

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 10A01

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn						
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh	
1	100101	HỒ	THỊ LAN	ANH	10A01	16/09/2010	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
2	100102	VÕ	TRÂM	ANH	10A01	22/12/2010	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
3	100103	NGUYỄN	QUANG	CẢNH	10A01	17/01/2010	Nam	Kinh	P 03	P 02	P 01	P 02		P 02
4	100104	NGUYỄN	VIỆT	DŨNG	10A01	30/01/2010	Nam	Kinh	P 05	P 03	P 02	P 04		P 04
5	100105	TRẦN	TIẾN	ĐẠT	10A01	06/08/2010	Nam	Kinh	P 04	P 02	P 02	P 03		P 03
6	100106	NGUYỄN	ĐỨC HẢI	ĐĂNG	10A01	16/02/2010	Nam	Kinh	P 04	P 02	P 02	P 03		P 03
7	100107	NGUYỄN	THỊ THU	ĐỨC	10A01	14/02/2010	Nữ	Kinh	P 05	P 03	P 02	P 03		P 04
8	100108	VÕ	NHẬT	ĐỨC	10A01	29/10/2010	Nam	Kinh	P 05	P 03	P 02	P 03		P 04
9	100109	DƯƠNG	HOÀN	HẢO	10A01	18/05/2010	Nữ	Kinh	P 07	P 04	P 03	P 05		P 05
10	100110	HÀ	THỊ XUÂN	HƯƠNG	10A01	18/11/2010	Nữ	Thái	P 08	P 05	P 04	P 06		P 07
11	100111	NGUYỄN	PHƯƠNG	LINH	10A01	19/06/2010	Nữ	Kinh	P 09	P 06	P 04	P 06		P 08
12	100112	TRẦN	THỊ HÀ	LINH	10A01	31/12/2009	Nữ	Kinh	P 09	P 06	P 04	P 06		P 08
13	100113	ĐOÀN	THỊ MAI	LOAN	10A01	23/01/2010	Nữ	Kinh	P 10	P 06	P 05	P 07		P 08
14	100114	NGUYỄN	VĂN HÙNG	MẠNH	10A01	20/02/2010	Nam	Kinh	P 10	P 06	P 05	P 07		P 08
15	100115	ĐOÀN	NGUYỄN THANH	MẶN	10A01	22/07/2010	Nam	Kinh	P 10	P 06	P 05	P 07		P 08
16	100116	NGUYỄN	THỊ HÀ	MY	10A01	17/09/2010	Nữ	Kinh	P 11	P 07	P 05	P 07		P 09
17	100117	LƯƠNG	HOÀNG KHÁNH	NGÂN	10A01	14/11/2010	Nữ	Kinh	P 12	P 07	P 05	P 08		P 09
18	100118	NGUYỄN	THANH	NGÂN	10A01	12/02/2010	Nữ	Kinh	P 12	P 07	P 05	P 08		P 09
19	100119	TỔNG	THỊ HỒNG	NGỌC	10A01	03/02/2010	Nữ	Kinh	P 12	P 07	P 05	P 08		P 10
20	100120	LÊ	TRỌNG	NGUYỄN	10A01	12/02/2010	Nam	Kinh	P 13	P 08	P 05	P 08		P 10
21	100121	TRƯƠNG	CÔNG	NGUYỄN	10A01	17/02/2010	Nam	Kinh	P 13	P 08	P 05	P 08		P 10
22	100122	TRƯƠNG	THỊ THẢO	NGUYỄN	10A01	14/02/2010	Nữ	Kinh	P 13	P 08	P 06	P 09		P 10
23	100123	NGÔ	PHƯƠNG	NHÀN	10A01	13/02/2010	Nữ	Kinh	P 13	P 08	P 06	P 09		P 10
24	100124	VÕ	THỊ THANH	NHÀN	10A01	23/03/2010	Nữ	Kinh	P 13	P 08	P 06	P 09		P 10
25	100125	HOÀNG	MINH	NHẬT	10A01	18/01/2010	Nam	Kinh	P 13	P 08	P 06	P 09		P 11
26	100126	TRẦN	THỊ CẨM	NHUNG	10A01	24/03/2010	Nữ	Kinh	P 14	P 09	P 06	P 09		P 11
27	100127	TRẦN	THỊ QUỲNH	NHƯ	10A01	22/10/2010	Nữ	Kinh	P 14	P 08	P 06	P 09		P 11
28	100128	NGUYỄN	MINH	PHÚ	10A01	15/06/2010	Nam	Kinh	P 15	P 09	P 06	P 10		P 12
29	100129	PHẠM	THỊ THU	PHƯƠNG	10A01	02/01/2010	Nữ	Kinh	P 15	P 09	P 06	P 10		P 12
30	100130	NGUYỄN	THỊ BÍCH	PHƯƠNG	10A01	15/08/2010	Nữ	Kinh	P 15	P 09	P 06	P 10		P 12
31	100131	LÊ	KHÁNH	THI	10A01	10/09/2010	Nữ	Kinh	P 17	P 10	P 07	P 12		P 14
32	100132	VÕ	NHẬT	THIÊN	10A01	09/01/2010	Nam	Kinh	P 17	P 10	P 07	P 12		P 14
33	100133	NGUYỄN	TRƯỜNG	THỌ	10A01	22/04/2010	Nam	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 14
34	100134	NGUYỄN	THỊ ANH	THƯ	10A01	21/02/2010	Nữ	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 14
35	100135	PHAN	THỊ NHƯ	THƯƠNG	10A01	15/07/2010	Nữ	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 15
36	100136	NGUYỄN	OANH	TOÀN	10A01	12/05/2010	Nam	Kinh	P 19	P 12	P 08	P 13		P 15
37	100137	HỒ	THỊ THANH	UYÊN	10A01	30/06/2010	Nữ	Kinh	P 21	P 13	P 09	P 15		P 17
38	100138	NGUYỄN	THU	UYÊN	10A01	10/02/2010	Nữ	Kinh	P 21	P 13	P 09	P 15		P 17
39	100139	NGUYỄN	THANH	VÂN	10A01	19/05/2010	Nữ	Kinh	P 22	P 13	P 09	P 15		P 18
40	100140	ĐẶNG	HOÀNG HẢI	VY	10A01	05/12/2010	Nữ	Kinh	P 23	P 14	P 10	P 16		P 18

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 10A02

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	100201	CAO XUÂN BẢO	AN	10A02	20/02/2010	Nam	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
2	100202	NGUYỄN SỸ BẢO	AN	10A02	10/03/2010	Nam	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
3	100203	VŨ NGUYỄN DIỆP	ANH	10A02	08/02/2010	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
4	100204	TÔ GIA	BẢO	10A02	06/01/2010	Nam	Kinh	P 02	P 01	P 01	P 02		P 02
5	100205	TRẦN VĂN GIA	BẢO	10A02	17/11/2010	Nam	Kinh	P 02	P 02	P 01	P 02		P 02
6	100206	NGUYỄN NHO QUANG	BÌNH	10A02	17/09/2010	Nam	Kinh	P 03	P 02	P 01	P 02		P 02
7	100207	ĐẶNG THỊ KIM	CHI	10A02	29/05/2010	Nữ	Kinh	P 03	P 02	P 02	P 02		P 03
8	100208	LÊ ĐÌNH MINH	CHÍ	10A02	04/10/2010	Nam	Kinh	P 03	P 02	P 02	P 02		P 03
9	100209	VÕ TÁ THÀNH	DANH	10A02	31/01/2010	Nam	Kinh	P 04	P 02	P 02	P 03		P 03
10	100210	PHẠM THỊ NGỌC	DIỆM	10A02	10/01/2010	Nữ	Kinh	P 04	P 03	P 02	P 03		P 04
11	100211	NGUYỄN VŨ	DUY	10A02	10/06/2010	Nam	Kinh	P 05	P 03	P 02	P 04		P 04
12	100212	ĐOÀN QUỐC	ĐÔNG	10A02	24/02/2010	Nam	Kinh	P 05	P 03	P 02	P 03		P 04
13	100213	TẠ ANH	ĐỨC	10A02	06/06/2010	Nam	Kinh	P 05	P 03	P 02	P 03		P 04
14	100214	TRẦN TRỌNG	HẢI	10A02	27/03/2010	Nam	Kinh	P 06	P 04	P 03	P 04		P 05
15	100215	TRẦN QUỐC	HÀO	10A02	26/03/2010	Nam	Kinh	P 07	P 04	P 03	P 04		P 05
16	100216	HUỖNH DIỆM	HẰNG	10A02	19/06/2010	Nữ	Kinh	P 06	P 04	P 03	P 04		P 05
17	100217	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	10A02	08/01/2010	Nữ	Kinh	P 06	P 04	P 03	P 04		P 05
18	100218	MAI ĐỨC	HIỆP	10A02	21/02/2010	Nam	Kinh	P 07	P 05	P 03	P 05		P 06
19	100219	NGUYỄN THÁI	HÒA	10A02	21/09/2010	Nam	Kinh	P 07	P 05	P 03	P 05		P 06
20	100220	TRƯƠNG VĂN	HOÀNG	10A02	21/04/2009	Nam	Kinh	P 08	P 05	P 04	P 05		P 06
21	100221	BÙI QUANG	HUY	10A02	17/06/2010	Nam	Kinh	P 08	P 05	P 04	P 06		P 07
22	100222	LÊ DUY	KHOA	10A02	29/09/2010	Nam	Kinh	P 09	P 06	P 04	P 06		P 07
23	100223	NGUYỄN THỊ HOÀNG	LINH	10A02	09/04/2010	Nữ	Kinh	P 10	P 06	P 04	P 06		P 08
24	100224	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	10A02	19/06/2010	Nữ	Kinh	P 10	P 06	P 04	P 07		P 08
25	100225	NGUYỄN MINH	NGỌC	10A02	04/06/2010	Nam	Kinh	P 12	P 07	P 05	P 08		P 10
26	100226	NGUYỄN ĐỨC	NHẬT	10A02	02/12/2010	Nam	Kinh	P 13	P 08	P 06	P 09		P 11
27	100227	HOÀNG QUỲNH	NHƯ	10A02	23/08/2010	Nữ	Nùng	P 14	P 09	P 06	P 09		P 11
28	100228	BÙI ĐỨC	PHÁT	10A02	20/11/2010	Nam	Kinh	P 14	P 09	P 06	P 09		P 12
29	100229	NGUYỄN ĐÌNH	QUÂN	10A02	14/07/2010	Nam	Kinh	P 15	P 09	P 07	P 10		P 12
30	100230	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	10A02	12/05/2010	Nữ	Kinh	P 16	P 10	P 07	P 10		P 13
31	100231	NGUYỄN TUẤN	TÀI	10A02	29/06/2010	Nam	Kinh	P 16	P 10	P 07	P 11		P 13
32	100232	LÊ THANH	THÁI	10A02	03/06/2010	Nam	Kinh	P 16	P 10	P 07	P 11		P 13
33	100233	HÀ THỊ ANH	THƯ	10A02	02/02/2010	Nữ	Thái	P 18	P 11	P 08	P 12		P 14
34	100234	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	10A02	29/01/2009	Nữ	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 14
35	100235	ĐOÀN THỊ ĐOAN	TRANG	10A02	14/05/2010	Nữ	Kinh	P 19	P 12	P 08	P 13		P 16
36	100236	HOÀNG THỊ MAI	TRANG	10A02	01/05/2010	Nữ	Kinh	P 20	P 12	P 09	P 13		P 16
37	100237	TRƯƠNG THỊ THÙY	TRANG	10A02	25/09/2010	Nữ	Kinh	P 20	P 12	P 09	P 13		P 16
38	100238	HÀ VĂN	TÙNG	10A02	24/09/2010	Nam	Kinh	P 21	P 13	P 09	P 14		P 17
39	100239	TRƯƠNG THỊ TƯỜNG	VI	10A02	15/09/2010	Nữ	Kinh	P 22	P 13	P 10	P 15		P 18
40	100240	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	VŨ	10A02	13/05/2010	Nam	Kinh	P 23	P 14	P 10	P 16		P 18
41	100241	PHAN THỊ TƯỜNG	VY	10A02	26/03/2010	Nữ	Kinh	P 23	P 14	P 10	P 16		P 19

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 10A03

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	100301	HOÀNG	NGỌC AN	10A03	03/06/2010	Nam	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
2	100302	PHẠM	HỮU HOÀI AN	10A03	09/11/2010	Nam	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
3	100303	BÙI	TRẦN BẢO ANH	10A03	24/02/2010	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
4	100304	NGUYỄN	LÊ TUẤN ANH	10A03	11/12/2010	Nam	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
5	100305	LÊ	ĐỨC BẢO	10A03	17/02/2010	Nam	Kinh	P 02	P 02	P 01	P 02		P 02
6	100306	NGUYỄN	CÔNG BÌNH	10A03	15/09/2010	Nam	Kinh	P 03	P 02	P 01	P 02		P 02
7	100307	MA	VĂN CHUÔNG	10A03	03/01/2010	Nam	Tày	P 03	P 02	P 02	P 02		P 03
8	100308	ĐINH	THỊ MỸ DUYÊN	10A03	27/07/2010	Nữ	Kinh	P 05	P 03	P 03	P 04		P 04
9	100309	NGUYỄN	TUẤN ĐẠT	10A03	09/09/2009	Nam	Kinh	P 04	P 03	P 02	P 03		P 03
10	100310	TRẦN	HOÀNG ĐẠT	10A03	16/04/2010	Nam	Kinh	P 04	P 03	P 02	P 03		P 03
11	100311	TRẦN	TIẾN ĐẠT	10A03	02/05/2010	Nam	Kinh	P 04	P 03	P 02	P 03		P 03
12	100312	VÕ	VĂN ĐẠT	10A03	07/08/2010	Nam	Kinh	P 04	P 03	P 02	P 03		P 03
13	100313	NGUYỄN	ĐÌNH GIÁP	10A03	17/10/2010	Nam	Kinh	P 06	P 04	P 03	P 04		P 05
14	100314	VÕ	HỒNG VIỆT HẢI	10A03	08/04/2010	Nam	Kinh	P 06	P 04	P 03	P 04		P 05
15	100315	LÊ	HOÀNG HUY	10A03	11/08/2010	Nam	Kinh	P 08	P 05	P 04	P 06		P 07
16	100316	TRẦN	ĐỨC KHOA	10A03	18/02/2010	Nam	Kinh	P 09	P 06	P 04	P 06		P 07
17	100317	NGUYỄN	HOÀNG LÂM	10A03	26/09/2010	Nam	Kinh	P 09	P 06	P 04	P 06		P 07
18	100318	NGUYỄN	THÙY LINH	10A03	27/03/2010	Nữ	Kinh	P 10	P 06	P 04	P 07		P 08
19	100319	NGUYỄN	THỊ TRÀ MY	10A03	09/04/2010	Nữ	Kinh	P 11	P 07	P 05	P 07		P 09
20	100320	PHẠM	THỊ TRÀ MY	10A03	27/02/2010	Nữ	Kinh	P 11	P 07	P 05	P 07		P 09
21	100321	NGUYỄN	THỊ YẾN NHI	10A03	24/02/2010	Nữ	Kinh	P 13	P 08	P 06	P 09		P 11
22	100322	NGUYỄN	THỊ Ý NHƯ	10A03	13/01/2010	Nữ	Kinh	P 14	P 09	P 06	P 09		P 11
23	100323	LƯƠNG	ÂU THUẬN PHÁT	10A03	18/12/2010	Nam	Kinh	P 14	P 09	P 06	P 09		P 12
24	100324	NGUYỄN	THỦY PHÚ	10A03	11/12/2010	Nữ	Kinh	P 15	P 09	P 06	P 10		P 12
25	100325	VÕ	THỊ HỒNG PHƯỚC	10A03	10/07/2010	Nữ	Kinh	P 15	P 09	P 06	P 10		P 12
26	100326	CHU	THỊ KHÁNH PHƯƠNG	10A03	13/08/2010	Nữ	Kinh	P 15	P 09	P 06	P 10		P 12
27	100327	NGÔ	THỊ THANH TÂM	10A03	04/04/2010	Nữ	Kinh	P 16	P 10	P 07	P 11		P 13
28	100328	TRƯƠNG	VĂN THÀNH	10A03	22/04/2010	Nam	Thái	P 17	P 10	P 07	P 11		P 13
29	100329	NGUYỄN	THỊ THANH THẢO	10A03	28/11/2010	Nữ	Kinh	P 17	P 10	P 07	P 11		P 14
30	100330	LƯƠNG	THỊ THU THỦY	10A03	15/11/2010	Nữ	Kinh	P 19	P 11	P 08	P 13		P 15
31	100331	TRƯƠNG	THỊ ANH THƯ	10A03	12/04/2010	Nữ	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 14
32	100332	VŨ	ĐÌNH TIẾN	10A03	15/01/2010	Nam	Kinh	P 19	P 12	P 08	P 13		P 15
33	100333	NGUYỄN	HUYỀN TRANG	10A03	07/08/2010	Nữ	Kinh	P 20	P 12	P 09	P 13		P 16
34	100334	PHAN	TRẦN MINH TÚ	10A03	17/06/2010	Nam	Kinh	P 20	P 12	P 09	P 14		P 17
35	100335	HỒ	TRIỆU THÙY TRÂM	10A03	28/06/2010	Nữ	Kinh	P 19	P 12	P 08	P 13		P 16
36	100336	NGUYỄN	TRẦN NHẬT TUẤN	10A03	05/01/2010	Nam	Kinh	P 21	P 12	P 09	P 14		P 17
37	100337	LÊ	CAO TƯỜNG VI	10A03	21/10/2010	Nữ	Kinh	P 22	P 13	P 10	P 15		P 18
38	100338	HỒ	ĐỨC VIỆT	10A03	25/12/2009	Nam	Kinh	P 22	P 13	P 10	P 15		P 18
39	100339	LONG	QUỐC VIỆT	10A03	20/08/2010	Nam	Nùng	P 22	P 13	P 10	P 15		P 18
40	100340	NGUYỄN	BẢO YẾN	10A03	23/09/2010	Nữ	Kinh	P 24	P 14	P 10	P 16		P 19
41	100341	NGUYỄN	QUANG DUY	10A03	13/10/2010	Nam	Kinh	P 05	P 03	P 03	P 04		P 04

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 10A04

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	100401	LÊ HỒNG	ANH	10A04	28/03/2010	Nam	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
2	100402	LÝ THỊ MỸ	ANH	10A04	18/08/2010	Nữ	Nùng	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
3	100403	NGUYỄN KIM	ANH	10A04	31/05/2010	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
4	100404	TẠ DUY	ANH	10A04	17/02/2010	Nam	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
5	100405	HOÀNG QUỐC	BẢO	10A04	11/09/2010	Nam	Kinh	P 02	P 02	P 01	P 02		P 02
6	100406	MA QUỐC	CUÔNG	10A04	10/03/2010	Nam	Tày	P 04	P 02	P 02	P 02		P 03
7	100407	LÊ DUY	DŨNG	10A04	26/06/2010	Nam	Kinh	P 05	P 03	P 02	P 04		P 04
8	100408	TRẦN QUỐC	DŨNG	10A04	26/02/2010	Nam	Kinh	P 05	P 03	P 02	P 04		P 04
9	100409	LÊ THỊ THÙY	DƯƠNG	10A04	13/03/2010	Nữ	Kinh	P 05	P 03	P 02	P 04		P 04
10	100410	BÙI GIA	ĐĂNG	10A04	19/03/2010	Nam	Kinh	P 04	P 02	P 02	P 03		P 03
11	100411	NGUYỄN TRÀ	GIANG	10A04	15/06/2010	Nữ	Kinh	P 06	P 03	P 03	P 04		P 05
12	100412	NGUYỄN THANH	HẰNG	10A04	16/08/2010	Nữ	Kinh	P 06	P 04	P 03	P 04		P 05
13	100413	NGUYỄN ĐÀO QUỐC	HOÀNG	10A04	14/03/2010	Nam	Kinh	P 08	P 05	P 04	P 05		P 06
14	100414	NGUYỄN MINH	HOÀNG	10A04	04/05/2010	Nam	Kinh	P 08	P 05	P 04	P 05		P 06
15	100415	TRẦN VŨ MINH	HOÀNG	10A04	10/10/2010	Nam	Kinh	P 08	P 05	P 04	P 05		P 06
16	100416	PHAN VĂN	KHAI	10A04	14/07/2010	Nam	Kinh	P 09	P 05	P 04	P 06		P 07
17	100417	LỘC ĐÀM MAI	LINH	10A04	06/04/2010	Nữ	Tày	P 10	P 06	P 05	P 07		P 08
18	100418	NGUYỄN HỒNG	LĨNH	10A04	01/05/2010	Nam	Kinh	P 10	P 06	P 05	P 07		P 08
19	100419	NGÔ VĂN	MẠNH	10A04	04/06/2010	Nam	Kinh	P 10	P 06	P 05	P 07		P 08
20	100420	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	10A04	29/01/2010	Nữ	Kinh	P 11	P 07	P 05	P 07		P 09
21	100421	PHAN MINH	NGHĨA	10A04	20/03/2010	Nam	Kinh	P 12	P 07	P 05	P 08		P 10
22	100422	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NGUYỄN	10A04	12/08/2010	Nữ	Kinh	P 13	P 08	P 06	P 09		P 10
23	100423	NÔNG THỊ MINH	NGUYỆT	10A04	08/05/2010	Nữ	Kinh	P 13	P 08	P 06	P 09		P 10
24	100424	TRẦN NGUYỄN TRUNG	QUÂN	10A04	06/01/2010	Nam	Kinh	P 15	P 09	P 07	P 10		P 12
25	100425	BÙI THỊ THANH	TÂM	10A04	29/06/2010	Nữ	Kinh	P 16	P 10	P 07	P 11		P 13
26	100426	NGUYỄN TRẦN THANH	THẢO	10A04	03/10/2010	Nữ	Kinh	P 17	P 10	P 07	P 11		P 14
27	100427	NGUYỄN VĂN	THIÊN	10A04	03/05/2010	Nam	Kinh	P 17	P 11	P 07	P 12		P 14
28	100428	TRẦN THỊ ANH	THƯ	10A04	23/10/2010	Nữ	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 14
29	100429	ĐẶNG HOÀI	THƯƠNG	10A04	28/02/2010	Nữ	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 15
30	100430	Y - TIẾN -	MLÔ	10A04	06/04/2010	Nam	Ê-đê	P 11	P 07	P 05	P 07		P 08
31	100431	NGUYỄN BẢO	TOÀN	10A04	06/07/2010	Nam	Kinh	P 19	P 12	P 08	P 13		P 15
32	100432	HỒ THỊ	TRINH	10A04	21/07/2010	Nữ	Kinh	P 20	P 12	P 09	P 13		P 16
33	100433	HÀ THỊ THANH	TRÚC	10A04	22/01/2010	Nữ	Kinh	P 20	P 12	P 09	P 14		P 16
34	100434	NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	10A04	30/07/2010	Nam	Kinh	P 21	P 13	P 09	P 14		P 17
35	100435	TRƯƠNG THỊ YẾN	VI	10A04	24/02/2010	Nữ	Kinh	P 22	P 13	P 10	P 15		P 18
36	100436	NGÔ ĐÌNH TUẤN	VIỆT	10A04	07/01/2010	Nam	Kinh	P 22	P 13	P 10	P 15		P 18
37	100437	NGUYỄN DANH	VIỆT	10A04	16/03/2010	Nam	Kinh	P 22	P 14	P 10	P 15		P 18
38	100438	TRẦN PHƯƠNG	VY	10A04	20/06/2010	Nữ	Kinh	P 23	P 14	P 10	P 16		P 19
39	100439	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	10A04	27/03/2010	Nữ	Kinh	P 23	P 14	P 10	P 16		P 19
40	100440	LÊ THỊ HẢI	YẾN	10A04	25/08/2010	Nữ	Kinh	P 24	P 14	P 10	P 16		P 19

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 10A05

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
							Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	100501	NGUYỄN THỊ AN	10A05	07/11/2010	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
2	100502	NGUYỄN THỊ HOÀI ANH	10A05	07/05/2010	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	P 01		P 01
3	100503	NGÔ THỊ NGỌC ÁNH	10A05	28/06/2010	Nữ	Kinh	P 02	P 01	P 01	P 01		P 02
4	100504	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	10A05	31/07/2010	Nữ	Kinh	P 06	P 04	P 03	P 04		P 05
5	100505	TRẦN NGỌC BẢO HÂN	10A05	15/11/2010	Nữ	Kinh	P 06	P 04	P 03	P 04		P 05
6	100506	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	10A05	26/10/2010	Nữ	Kinh	P 07	P 04	P 03	P 05		P 06
7	100507	TRẦN KIM HIỀN	10A05	13/04/2010	Nam	Nùng	P 07	P 04	P 03	P 05		P 06
8	100508	PHÙNG LÊ HIẾU	10A05	11/06/2010	Nam	Kinh	P 07	P 05	P 03	P 05		P 06
9	100509	TRẦN HỮU HOÀNG	10A05	26/03/2010	Nam	Kinh	P 08	P 05	P 04	P 05		P 06
10	100510	PHẠM THỊ HUỆ	10A05	22/01/2010	Nữ	Kinh	P 08	P 05	P 04	P 06		P 06
11	100511	VŨ VĂN HIẾU	10A05	14/08/2010	Nam	Kinh	P 07	P 05	P 03	P 05		P 06
12	100512	PHAN ĐĂNG HUY	10A05	10/07/2010	Nam	Kinh	P 08	P 05	P 04	P 06		P 07
13	100513	NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG	10A05	02/11/2010	Nữ	Kinh	P 08	P 05	P 04	P 06		P 07
14	100514	ĐOÀN GIA KHANG	10A05	23/12/2009	Nam	Kinh	P 09	P 06	P 04	P 06		P 07
15	100515	TRẦN THỊ VÀNH KHUYÊN	10A05	10/02/2010	Nữ	Kinh	P 09	P 06	P 04	P 06		P 07
16	100516	HÀ HIẾU KIÊN	10A05	15/08/2010	Nam	Kinh	P 09	P 06	P 04	P 06		P 07
17	100517	NGUYỄN TRẦN TRÀ MY	10A05	11/03/2010	Nữ	Kinh	P 11	P 07	P 05	P 08		P 09
18	100518	ĐÀO THỊ KIM OANH	10A05	02/05/2010	Nữ	Kinh	P 14	P 09	P 06	P 09		P 12
19	100519	ĐOÀN HOÀNG DIỄM QUỲNH	10A05	24/01/2010	Nữ	Kinh	P 16	P 10	P 07	P 10		P 13
20	100520	PHAN THÁI QUỲNH	10A05	07/10/2010	Nam	Kinh	P 16	P 10	P 07	P 11		P 13
21	100521	TRẦN NGỌC TÂM	10A05	26/11/2010	Nam	Kinh	P 16	P 10	P 07	P 11		P 13
22	100522	TRƯƠNG CÔNG TÂY	10A05	08/03/2010	Nam	Kinh	P 16	P 10	P 07	P 11		P 13
23	100523	VŨ TRÍ THIỆN	10A05	25/02/2010	Nam	Kinh	P 17	P 11	P 07	P 12		P 14
24	100524	LÊ HỒNG PHÚC THỊNH	10A05	27/07/2010	Nam	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 14
25	100525	NGÔ PHƯƠNG THÙY	10A05	06/10/2010	Nữ	Kinh	P 19	P 11	P 08	P 12		P 15
26	100526	CHU THỊ MINH THƯ	10A05	23/05/2010	Nữ	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 15
27	100527	ĐÀM ANH THƯ	10A05	25/02/2010	Nữ	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 15
28	100528	CAO THỊ HOÀI THƯƠNG	10A05	10/03/2010	Nữ	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 15
29	100529	NGUYỄN NGỌC HUỆ THƯƠNG	10A05	01/04/2010	Nữ	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 15
30	100530	NGÔ NGUYỄN KIỀU TRINH	10A05	13/09/2010	Nữ	Kinh	P 20	P 12	P 09	P 14		P 16
31	100531	HOÀNG BẢO TÚ	10A05	02/04/2010	Nam	Nùng	P 21	P 12	P 09	P 14		P 17
32	100532	VÕ THỊ CHÂU TUYỀN	10A05	06/11/2010	Nữ	Kinh	P 21	P 13	P 09	P 14		P 17
33	100533	PHAN ĐÌNH ĐẮC UY	10A05	24/03/2010	Nam	Kinh	P 21	P 13	P 09	P 15		P 17
34	100534	ĐÀO THỊ PHƯƠNG UYÊN	10A05	09/04/2010	Nữ	Kinh	P 22	P 13	P 09	P 15		P 17
35	100535	TRẦN THỊ TỐ UYÊN	10A05	22/08/2010	Nữ	Kinh	P 22	P 13	P 09	P 15		P 18
36	100536	HÀ THỊ THANH VÂN	10A05	06/11/2010	Nữ	Mường	P 22	P 13	P 10	P 15		P 18
37	100537	TRẦN THỊ VINH	10A05	29/10/2010	Nữ	Kinh	P 22	P 14	P 10	P 15		P 18
38	100538	TRẦN PHƯƠNG VY	10A05	10/11/2010	Nữ	Kinh	P 23	P 14	P 10	P 16		P 19
39	100539	HỒ THỊ KIM YẾN	10A05	25/08/2010	Nữ	Kinh	P 24	P 14	P 10	P 16		P 19
40	100540	PHẠM THỊ HẢI YẾN	10A05	07/02/2010	Nữ	Kinh	P 24	P 14	P 10	P 16		P 19

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 10A06

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	100601	NGUYỄN NHẬT	ÁNH	10A06	24/05/2010	Nữ	Kinh	P 02	P 01	P 01	P 02		P 02
2	100602	LUƠNG HÀ	DUYÊN	10A06	01/03/2010	Nữ	Mường	P 05	P 03	P 03	P 04		P 04
3	100603	CHÂU THỊ NHÃ	ĐAN	10A06	20/04/2010	Nữ	Tày	P 04	P 02	P 02	P 03		P 03
4	100604	NÔNG QUỐC	ĐẠT	10A06	12/09/2010	Nam	Tày	P 04	P 03	P 02	P 03		P 03
5	100605	TRẦN KHÚC	HAO	10A06	17/09/2010	Nam	Kinh	P 07	P 04	P 03	P 05		P 05
6	100606	NGUYỄN TRUNG	HẬU	10A06	31/01/2010	Nam	Kinh	P 07	P 04	P 03	P 05		P 05
7	100607	LÊ THỊ	HOA	10A06	20/06/2010	Nữ	Kinh	P 07	P 05	P 03	P 05		P 06
8	100608	DUƠNG THỊ LƯƠNG	HOÀI	10A06	23/08/2010	Nữ	Kinh	P 07	P 05	P 03	P 05		P 06
9	100609	HOÀNG THỊ THANH	KIỀU	10A06	18/08/2010	Nữ	Nùng	P 09	P 06	P 04	P 06		P 07
10	100610	H LI MA	NIÊ	10A06	19/02/2010	Nữ	Ê-đê	P 14	P 09	P 06	P 09		P 11
11	100611	TRƯƠNG LY	NA	10A06	27/09/2010	Nữ	Kinh	P 11	P 07	P 05	P 08		P 09
12	100612	NGUYỄN HUY	NAM	10A06	18/07/2010	Nam	Kinh	P 11	P 07	P 05	P 08		P 09
13	100613	LÊ NHẬT	NGỌC	10A06	16/01/2010	Nam	Kinh	P 12	P 07	P 05	P 08		P 10
14	100614	NÔNG HOÀNG BẢO	NGỌC	10A06	03/08/2010	Nữ	Nùng	P 12	P 07	P 05	P 08		P 10
15	100615	HÀ THỊ PHƯƠNG	NHUNG	10A06	10/02/2010	Nữ	Thái	P 14	P 09	P 06	P 09		P 11
16	100616	NGUYỄN THỊ MAI	QUÝ	10A06	26/11/2010	Nữ	Kinh	P 15	P 10	P 07	P 10		P 12
17	100617	TRẦN PHÚ	QUÝ	10A06	31/10/2010	Nam	Kinh	P 15	P 10	P 07	P 10		P 12
18	100618	MA THỊ	QUYÊN	10A06	07/08/2010	Nữ	Tày	P 16	P 10	P 07	P 10		P 13
19	100619	H - SA NY	MLÔ	10A06	21/10/2010	Nữ	Ê-đê	P 11	P 07	P 05	P 07		P 08
20	100620	H TÂN Y	NIÊ	10A06	19/12/2008	Nữ	Ê-đê	P 14	P 09	P 06	P 09		P 11
21	100621	CHU PHƯƠNG	THẢO	10A06	02/06/2010	Nữ	Kinh	P 17	P 10	P 07	P 11		P 14
22	100622	PHẠM VĂN	THẮNG	10A06	19/02/2010	Nam	Thái	P 17	P 10	P 07	P 11		P 13
23	100623	DUƠNG VÕ BẢO	THI	10A06	04/01/2010	Nữ	Kinh	P 17	P 10	P 07	P 12		P 14
24	100624	NGUYỄN TRẦN ANH	THƯ	10A06	18/02/2010	Nữ	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 15
25	100625	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	10A06	07/04/2010	Nữ	Kinh	P 18	P 11	P 08	P 12		P 15
26	100626	HÀ THỊ MỸ	TIÊN	10A06	02/01/2010	Nữ	Thái	P 19	P 12	P 08	P 13		P 15
27	100627	HOÀNG VŨ QUỲNH	TRANG	10A06	01/05/2010	Nữ	Kinh	P 20	P 12	P 09	P 13		P 16
28	100628	THẠCH THỊ THANH	TRÚC	10A06	27/07/2010	Nữ	Nùng	P 20	P 12	P 09	P 14		P 16
29	100629	LÊ THỊ THỦY	TIÊN	10A06	26/08/2010	Nữ	Kinh	P 19	P 12	P 08	P 13		P 15
30	100630	NGUYỄN TƯỜNG	TÚ	10A06	22/03/2010	Nam	Kinh	P 21	P 12	P 09	P 14		P 17
31	100631	NGUYỄN ANH	TUẤN	10A06	20/10/2010	Nam	Kinh	P 21	P 12	P 09	P 14		P 17
32	100632	NGUYỄN MẠNH	TƯỜNG	10A06	16/04/2010	Nam	Kinh	P 21	P 13	P 09	P 14		P 17
33	100633	NÔNG THỊ KHÁNH	UYÊN	10A06	01/01/2010	Nữ	Nùng	P 22	P 13	P 09	P 15		P 18
34	100634	ĐOÀN NGUYỄN TƯỜNG	VY	10A06	10/11/2010	Nữ	Kinh	P 23	P 14	P 10	P 16		P 19
35	100635	NGUYỄN THỊ YẾN	VY	10A06	15/11/2008	Nữ	Kinh	P 23	P 14	P 10	P 16		P 19
36	100636	NGUYỄN THỊ	YÊN	10A06	05/02/2010	Nữ	Kinh	P 24	P 14	P 10	P 16		P 19
37	100637	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	10A06	26/06/2009	Nam	Kinh	P 10	P 14	P 10	P 7		P 08

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 10A07

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	100701	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	10A07	21/06/2010	Nữ	Kinh	P 01	P 01			P 01	P 01
2	100702	ĐỖ HOÀNG	BẢO	10A07	27/12/2010	Nam	Kinh	P 02	P 02			P 01	P 02
3	100703	HOÀNG GIA	BẢO	10A07	17/10/2010	Nam	Kinh	P 02	P 02			P 01	P 02
4	100704	PHẠM GIA	BẢO	10A07	05/09/2010	Nam	Kinh	P 02	P 02			P 01	P 02
5	100705	PHẠM THỊ THƯƠNG	BÌNH	10A07	07/04/2010	Nữ	Kinh	P 03	P 02			P 01	P 02
6	100706	NGUYỄN THỊ THÙY	CHI	10A07	31/05/2010	Nữ	Kinh	P 03	P 02			P 02	P 03
7	100707	VŨ HOÀNG	DIỆU	10A07	17/12/2010	Nữ	Kinh	P 05	P 03			P 02	P 04
8	100708	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	10A07	18/01/2010	Nữ	Tày	P 05	P 03			P 02	P 04
9	100709	BÙI VĂN	DƯƠNG	10A07	25/02/2010	Nam	Kinh	P 05	P 03			P 02	P 04
10	100710	ĐẶNG THỊ THU	HIỀN	10A07	08/08/2010	Nữ	Kinh	P 07	P 04			P 03	P 06
11	100711	NGÔ QUANG	HUY	10A07	20/09/2010	Nam	Kinh	P 09	P 05			P 04	P 07
12	100712	TÔ GIA	HUY	10A07	01/09/2010	Nam	Kinh	P 09	P 05			P 04	P 07
13	100713	LÊ THỊ THANH	HUYỀN	10A07	21/02/2010	Nữ	Kinh	P 09	P 05			P 04	P 07
14	100714	LÊ THỊ THÚY	HẰNG	10A07	02/06/2010	Nữ	Kinh	P 06	P 04			P 03	P 05
15	100715	NÔNG LÂM	KHÁNH	10A07	19/03/2010	Nam	Nùng	P 09	P 06			P 04	P 07
16	100716	TRẦN TUẤN	KIỆT	10A07	06/11/2010	Nam	Kinh	P 09	P 06			P 04	P 07
17	100717	HÀ KHÁNH	LINH	10A07	02/09/2010	Nữ	Tày	P 10	P 06			P 04	P 08
18	100718	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	10A07	03/09/2010	Nữ	Kinh	P 10	P 06			P 04	P 08
19	100719	HOÀNG VĂN	MẠNH	10A07	08/02/2010	Nam	Kinh	P 10	P 07			P 04	P 08
20	100720	CHU THỊ TRÀ	MY	10A07	12/07/2010	Nữ	Kinh	P 11	P 07			P 04	P 09
21	100721	HUỶNH THỊ KIM	NGÂN	10A07	22/11/2010	Nữ	Kinh	P 12	P 07			P 05	P 09
22	100722	PHÙNG THỊ KIM	NGÂN	10A07	28/06/2010	Nữ	Nùng	P 12	P 07			P 05	P 09
23	100723	DUƠNG ĐỖ YẾN	NGỌC	10A07	20/05/2010	Nữ	Kinh	P 12	P 07			P 05	P 10
24	100724	HOÀNG THỊ BẢO	NGỌC	10A07	30/04/2010	Nữ	Kinh	P 12	P 07			P 05	P 10
25	100725	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGỌC	10A07	18/07/2010	Nữ	Kinh	P 12	P 08			P 05	P 10
26	100726	PHẠM NGUYỄN HẢI	NGUYỄN	10A07	30/01/2010	Nam	Kinh	P 13	P 08			P 05	P 10
27	100727	TRỊNH VĂN	NHÂN	10A07	03/05/2010	Nam	Kinh	P 13	P 08			P 05	P 11
28	100728	HOÀNG THỊ LINH	NHƯ	10A07	12/04/2010	Nữ	Kinh	P 14	P 09			P 06	P 11
29	100729	LÊ THỊ	NHƯ	10A07	06/07/2010	Nữ	Kinh	P 14	P 09			P 06	P 11
30	100730	VÕ THỊ KHÁNH	NY	10A07	05/03/2010	Nữ	Kinh	P 14	P 09			P 06	P 12
31	100731	NGUYỄN MINH	QUYỀN	10A07	21/07/2010	Nam	Kinh	P 16	P 10			P 07	P 13
32	100732	Y THANH	NIÊ	10A07	06/03/2010	Nam	Ê-đê	P 14	P 09			P 06	P 11
33	100733	TRẦN THỊ KIM	THÚY	10A07	10/02/2010	Nữ	Kinh	P 19	P 11			P 07	P 15
34	100734	HÀ THỊ	THƯ	10A07	17/11/2010	Nữ	Thái	P 18	P 11			P 07	P 15
35	100735	BÙI THỊ THỦY	TIỀN	10A07	04/11/2010	Nữ	Kinh	P 19	P 12			P 08	P 15
36	100736	HUỶNH THỊ THU	TRANG	10A07	05/12/2010	Nữ	Kinh	P 20	P 12			P 08	P 16
37	100737	ĐỖ MẠNH	TRƯỜNG	10A07	16/09/2010	Nam	Kinh	P 20	P 12			P 08	P 17
38	100738	TRƯƠNG THỊ CẨM	XUYỀN	10A07	27/05/2010	Nữ	Kinh	P 23	P 14			P 09	P 19
39	100739	MA THỊ ÁNH	TUYẾT	10A07	02/06/2010	Nữ	Tày	P 21	P 13			P 09	P 17
40	100740	HOÀNG ANH	VŨ	10A07	24/02/2010	Nam	Kinh	P 23	P 14			P 09	P 18
41	100741	LÊ ĐÌNH BẢO	YẾN	10A07	06/03/2010	Nữ	Kinh	P 24	P 14			P 09	P 19

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 10A08

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	100801	H : ZI NA	NIÊ	10A08	27/07/2010	Nữ	Ê-đê	P 14	P 09			P 06	P 11
2	100802	LÊ THỊ THÁI	AN	10A08	06/08/2010	Nữ	Kinh	P 01	P 01			P 01	P 01
3	100803	MAI VĂN	ANH	10A08	01/06/2009	Nam	Kinh	P 01	P 01			P 01	P 01
4	100804	NGUYỄN THỊ HOÀNG	ANH	10A08	08/04/2010	Nữ	Kinh	P 02	P 01			P 01	P 01
5	100805	LÊ ĐẶNG NGỌC	ÁNH	10A08	16/04/2010	Nữ	Kinh	P 02	P 01			P 01	P 02
6	100806	ĐÀM HOÀNG THỊ DƯƠNG	CẨM	10A08	20/08/2010	Nữ	Tày	P 03	P 02			P 01	P 02
7	100807	HOÀNG THỊ BẢO	CHÂM	10A08	10/10/2010	Nữ	Tày	P 03	P 02			P 01	P 02
8	100808	HOÀNG MẠNH	CUÔNG	10A08	03/12/2009	Nam	Kinh	P 04	P 02			P 02	P 03
9	100809	NÔNG HOÀNG	DƯƠNG	10A08	09/05/2010	Nam	Tày	P 05	P 03			P 02	P 04
10	100810	TRẦN HUYỀN	GIANG	10A08	18/02/2010	Nữ	Kinh	P 06	P 04			P 03	P 05
11	100811	NGUYỄN MAI NGUYỆT	HÀ	10A08	09/03/2010	Nữ	Tày	P 06	P 04			P 03	P 05
12	100812	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	10A08	06/09/2010	Nữ	Tày	P 06	P 04			P 03	P 05
13	100813	NÔNG THỊ	HÀ	10A08	10/08/2010	Nữ	Tày	P 06	P 04			P 03	P 05
14	100814	LÊ BÙI NGỌC	HẰNG	10A08	25/07/2010	Nữ	Kinh	P 06	P 04			P 03	P 05
15	100815	TRẦN THỊ	HẰNG	10A08	20/03/2010	Nữ	Kinh	P 07	P 04			P 03	P 05
16	100816	NÔNG NGỌC BẢO	HÂN	10A08	11/05/2010	Nữ	Tày	P 06	P 04			P 03	P 05
17	100817	TRẦN NGỌC HIỀN	HOÀI	10A08	06/01/2010	Nữ	Kinh	P 07	P 05			P 03	P 06
18	100818	LÊ CÔNG	HƯNG	10A08	09/11/2010	Nam	Kinh	P 08	P 05			P 03	P 07
19	100819	TRẦN THỊ MỸ	LỆ	10A08	31/12/2009	Nữ	Kinh	P 09	P 06			P 04	P 08
20	100820	H NGAO	MLÔ	10A08	03/03/2010	Nữ	Ê-đê	P 11	P 07			P 04	P 09
21	100821	HÀ THỊ BẢO	NGỌC	10A08	28/04/2010	Nữ	Thái	P 12	P 08			P 05	P 10
22	100822	HÀ THỊ BẢO	NGỌC	10A08	19/01/2010	Nữ	Thái	P 12	P 08			P 05	P 10
23	100823	NGÔ THỊ BÍCH	NGỌC	10A08	15/02/2010	Nữ	Kinh	P 12	P 08			P 05	P 10
24	100824	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGỌC	10A08	20/05/2010	Nữ	Kinh	P 12	P 08			P 05	P 10
25	100825	BÙI YẾN	NHI	10A08	19/08/2010	Nữ	Kinh	P 13	P 08			P 06	P 11
26	100826	DƯƠNG LÊ YẾN	NHI	10A08	01/04/2010	Nữ	Kinh	P 13	P 08			P 06	P 11
27	100827	ĐỖ NGUYỄN UYÊN	NHI	10A08	03/05/2010	Nữ	Kinh	P 13	P 08			P 06	P 11
28	100828	LẠI THỊ	NHI	10A08	29/07/2010	Nữ	Kinh	P 14	P 08			P 06	P 11
29	100829	PHAN YẾN	NHI	10A08	05/02/2010	Nữ	Kinh	P 14	P 08			P 06	P 11
30	100830	HÀ VĂN	PHƯƠNG	10A08	01/04/2009	Nam	Nùng	P 15	P 09			P 06	P 12
31	100831	HÀ HOÀNG LỆ	QUYÊN	10A08	25/04/2010	Nữ	Tày	P 16	P 10			P 07	P 13
32	100832	PHẠM VĂN	QUYẾT	10A08	25/09/2010	Nam	Kinh	P 16	P 10			P 07	P 13
33	100833	ĐOÀN THỊ THANH	THÚY	10A08	23/03/2010	Nữ	Kinh	P 18	P 11			P 07	P 15
34	100834	LUU ĐÌNH	THỰC	10A08	08/09/2010	Nam	Tày	P 18	P 11			P 07	P 15
35	100835	GIÁP HOÀNG	TÙNG	10A08	19/09/2010	Nam	Kinh	P 21	P 13			P 08	P 17
36	100836	THÂN THỊ	TUYẾT	10A08	22/05/2008	Nữ	Kinh	P 21	P 13			P 09	P 17
37	100837	NGUYỄN HOÀNG DIỆU	UYÊN	10A08	01/01/2010	Nữ	Kinh	P 22	P 13			P 09	P 18
38	100838	TRẦN THỊ TỐ	UYÊN	10A08	01/01/2010	Nữ	Kinh	P 22	P 13			P 09	P 18
39	100839	HOÀNG THỊ	XUÂN	10A08	28/11/2010	Nữ	Nùng	P 23	P 14			P 09	P 19
40	100840	DƯƠNG THỊ TIÊU	YẾN	10A08	04/06/2010	Nữ	Kinh	P 24	P 14			P 09	P 19

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 10A09

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	100901	MAI NHẬT TÂM	AN	10A09	06/04/2010	Nữ	Kinh	P 01			P 01	P 01	P 01
2	100902	NGUYỄN HOÀNG	ANH	10A09	01/10/2010	Nam	Kinh	P 02			P 01	P 01	P 01
3	100903	PHAN VĂN TÀI	ANH	10A09	08/07/2010	Nam	Kinh	P 02			P 01	P 01	P 01
4	100904	TRẦN GIA	BẢO	10A09	18/05/2010	Nam	Kinh	P 02			P 02	P 01	P 02
5	100905	NGUYỄN THỊ DIỄM	CHÂU	10A09	07/07/2010	Nữ	Kinh	P 03			P 02	P 01	P 02
6	100906	PHAN DIỆU	CHÂU	10A09	28/01/2010	Nữ	Kinh	P 03			P 02	P 01	P 02
7	100907	PHẠM NGUYỄN NGỌC	CHIẾN	10A09	28/07/2010	Nam	Kinh	P 03			P 02	P 02	P 03
8	100908	NGUYỄN VĂN TIẾN	CHƯƠNG	10A09	02/01/2010	Nam	Kinh	P 03			P 02	P 02	P 03
9	100909	NGUYỄN KIM	CƯỜNG	10A09	28/08/2010	Nam	Kinh	P 03			P 02	P 02	P 03
10	100910	PHAN VĂN TÀI	EM	10A09	08/07/2010	Nam	Kinh	P 06			P 04	P 02	P 05
11	100911	HỒ THỊ NGỌC	HÀ	10A09	31/08/2010	Nữ	Kinh	P 06			P 04	P 03	P 05
12	100912	ĐÀM MINH	HIẾU	10A09	24/08/2010	Nam	Sán Ch	P 07			P 05	P 03	P 06
13	100913	HOÀNG THỊ	HỒNG	10A09	09/01/2010	Nữ	Kinh	P 08			P 05	P 03	P 06
14	100914	LIU TUẤN	HÙNG	10A09	07/07/2009	Nam	Tày	P 08			P 06	P 03	P 06
15	100915	NGUYỄN XUÂN	HÙNG	10A09	03/02/2010	Nam	Kinh	P 08			P 06	P 03	P 07
16	100916	TẠ NGUYỄN CÔNG	KHANG	10A09	13/02/2010	Nam	Kinh	P 09			P 06	P 04	P 07
18	100918	HOÀNG THU	LY	10A09	25/12/2010	Nữ	Nùng	P 10			P 07	P 04	P 08
19	100919	PHẠM HỮU NGỌC	NHÂN	10A09	16/04/2008	Nam	Kinh	P 13			P 09	P 06	P 11
20	100920	BÙI LỘC THANH	PHONG	10A09	06/04/2010	Nam	Thái	P 15			P 09	P 06	P 12
21	100921	LÊ THỊ	PHƯƠNG	10A09	25/05/2010	Nữ	Kinh	P 15			P 10	P 06	P 12
22	100922	VÕ THỊ	PHƯƠNG	10A09	29/07/2010	Nữ	Kinh	P 15			P 10	P 06	P 12
23	100923	NGUYỄN MINH	QUÂN	10A09	09/10/2010	Nam	Kinh	P 15			P 10	P 06	P 12
25	100925	ĐÀM VĂN	QUYỀN	10A09	16/12/2010	Nam	Kinh	P 16			P 10	P 07	P 13
26	100926	HOÀNG HẢI	PHONG	10A09	19/01/2009	Nam	Tày	P 15			P 10	P 06	P 12
27	100927	LÊ THỊ THANH	TÂM	10A09	22/04/2010	Nữ	Kinh	P 16			P 11	P 07	P 13
28	100928	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	10A09	15/07/2010	Nữ	Kinh	P 17			P 11	P 07	P 14
29	100929	VÕ THỊ THANH	THẢO	10A09	27/07/2010	Nữ	Kinh	P 17			P 11	P 07	P 14
30	100930	HOÀNG ĐỨC	THẮNG	10A09	23/02/2010	Nam	Tày	P 17			P 11	P 07	P 13
31	100931	NGUYỄN THỊ NGỌC	TÍN	10A09	02/01/2010	Nữ	Kinh	P 19			P 13	P 08	P 15
32	100932	HOÀNG NGUYỄN BẢO	TRÂM	10A09	02/10/2010	Nữ	Kinh	P 19			P 13	P 08	P 16
33	100933	HOÀNG NỮ QUỲNH	TRÂM	10A09	18/01/2010	Nữ	Kinh	P 19			P 13	P 08	P 16
34	100934	ĐÌNH HOÀNG BẢO	TRÂN	10A09	10/10/2010	Nữ	Kinh	P 19			P 13	P 08	P 16
35	100935	NÔNG THỊ THANH	TRÚC	10A09	13/01/2010	Nữ	Tày	P 20			P 14	P 08	P 16
36	100936	TRẦN MAI ANH	TRUNG	10A09	30/03/2010	Nam	Kinh	P 20			P 14	P 08	P 16
37	100937	HOÀNG THỊ THU	UYÊN	10A09	25/10/2010	Nữ	Nùng	P 22			P 15	P 09	P 18
38	100938	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	10A09	22/09/2010	Nữ	Kinh	P 22			P 15	P 09	P 18
39	100939	MAI ĐỨC ANH	VŨ	10A09	07/12/2009	Nam	Kinh	P 23			P 16	P 09	P 18
41	100941	TRẦN THỊ YẾN	VY	10A09	10/09/2010	Nữ	Kinh	P 23			P 16	P 09	P 19
42	100942	HOÀNG VÕ THIÊN	Ý	10A09	24/02/2010	Nữ	Kinh	P 23			P 16	P 09	P 19
43	100943	H ZENNY	MLÔ	10A09	13/09/2010	Nữ	Ê-đê	P 11			P 07	P 04	P 09

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 10A10

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	101001	NGUYỄN HỒ ĐỨC	ANH	10A10	24/08/2010	Nam	Kinh	P 02			P 01	P 01	P 01
2	101002	NGUYỄN KIỀU	ANH	10A10	03/03/2010	Nữ	Kinh	P 02			P 01	P 01	P 01
3	101003	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	ANH	10A10	14/05/2010	Nữ	Kinh	P 02			P 01	P 01	P 02
4	101004	TRIỆU NHẬT BĂNG	BĂNG	10A10	02/07/2010	Nữ	Kinh	P 02			P 02	P 01	P 02
5	101005	NGÂN THỊ DIỆU	CHÂU	10A10	26/04/2010	Nữ	Mường	P 03			P 02	P 01	P 02
6	101006	NGUYỄN THỊ HOÀNG	CHÂU	10A10	02/07/2010	Nữ	Kinh	P 03			P 02	P 02	P 02
7	101007	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	10A10	09/03/2010	Nam	Kinh	P 03			P 02	P 02	P 03
8	101008	HOÀNG THỊ NGỌC	DIỆP	10A10	12/02/2010	Nữ	Nùng	P 04			P 03	P 02	P 04
9	101009	VÕ THỊ	DIỆU	10A10	26/06/2010	Nữ	Kinh	P 05			P 03	P 02	P 04
10	101010	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	DŨNG	10A10	15/07/2010	Nam	Kinh	P 05			P 04	P 02	P 04
11	101011	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	10A10	20/10/2010	Nữ	Kinh	P 06			P 04	P 02	P 04
12	101012	PHAN THỊ NGUYỆT	HẰNG	10A10	30/05/2010	Nữ	Kinh	P 07			P 04	P 03	P 05
13	101013	NGUYỄN ĐÌNH HUY	HOÀNG	10A10	22/12/2010	Nam	Kinh	P 08			P 05	P 03	P 06
14	101014	NGUYỄN ANH GIA	HƯNG	10A10	29/01/2010	Nam	Kinh	P 08			P 06	P 03	P 07
15	101015	NGUYỄN MỘC	LAN	10A10	23/01/2009	Nữ	Kinh	P 09			P 06	P 04	P 07
16	101016	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	10A10	04/04/2010	Nữ	Kinh	P 10			P 07	P 04	P 08
17	101017	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	LY	10A10	25/01/2010	Nữ	Kinh	P 10			P 07	P 04	P 08
18	101018	HOÀNG THÀNH	MUU	10A10	23/10/2010	Nam	Nùng	P 11			P 07	P 04	P 09
19	101019	NGUYỄN THẢO	MY	10A10	11/09/2010	Nữ	Kinh	P 11			P 08	P 05	P 09
20	101020	HÀ LỮ AN	NA	10A10	10/02/2010	Nữ	Thái	P 11			P 08	P 05	P 09
21	101021	PHAN THỊ NGUYỆT	NGA	10A10	30/05/2010	Nữ	Kinh	P 11			P 08	P 05	P 09
22	101022	ĐÌNH THỊ THÙY	NGÂN	10A10	06/01/2010	Nữ	Kinh	P 12			P 08	P 05	P 09
23	101023	LÊ NGỌC HIẾU	NGÂN	10A10	12/01/2010	Nữ	Kinh	P 12			P 08	P 05	P 09
24	101024	LINH THÚY	NGÂN	10A10	12/12/2010	Nữ	Nùng	P 12			P 08	P 05	P 09
25	101025	LÊ TRẦN LÂM	NHƯ	10A10	02/10/2010	Nữ	Kinh	P 14			P 09	P 06	P 11
26	101026	HOÀNG THIÊN KHẢI	PHONG	10A10	01/02/2010	Nam	Kinh	P 15			P 10	P 06	P 12
27	101027	LÊ VINH	QUANG	10A10	16/10/2010	Nam	Kinh	P 15			P 10	P 06	P 12
28	101028	ĐỖ NGUYỄN TIẾN	QUÂN	10A10	24/12/2010	Nam	Kinh	P 15			P 10	P 06	P 12
29	101029	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	10A10	26/09/2009	Nữ	Kinh	P 17			P 11	P 07	P 14
31	101031	HOÀNG ĐỨC	SANG	10A10	29/07/2010	Nam	Kinh	P 16			P 11	P 07	P 13
32	101032	TRẦN KHẮC	THÀNH	10A10	31/10/2010	Nam	Kinh	P 17			P 11	P 07	P 13
33	101033	NGUYỄN THỊ	THẢO	10A10	24/03/2010	Nữ	Kinh	P 17			P 11	P 07	P 14
34	101034	PHẠM THẾ	THIỆN	10A10	02/08/2010	Nam	Kinh	P 17			P 12	P 07	P 14
35	101035	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	10A10	28/05/2010	Nữ	Kinh	P 20			P 13	P 08	P 16
36	101036	NGUYỄN THỊ THÙY	TRÂM	10A10	09/01/2010	Nữ	Kinh	P 19			P 13	P 08	P 16
37	101037	VŨ ĐÌNH	TRỌNG	10A10	01/02/2010	Nam	Kinh	P 20			P 14	P 08	P 16
38	101038	NGUYỄN ĐẠI	VĨ	10A10	04/11/2010	Nam	Kinh	P 22			P 15	P 09	P 18
39	101039	PHẠM THỊ THẢO	VY	10A10	31/08/2010	Nữ	Thái	P 23			P 16	P 09	P 19
40	101040	VÕ THỊ TƯỜNG	VY	10A10	12/05/2010	Nữ	Kinh	P 23			P 16	P 09	P 19
41	101041	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	10A10	02/01/2010	Nữ	Kinh	P 24			P 16	P 09	P 19

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 10A11

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
							Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	101101	BÙI NGUYỄN NGỌC ANH	10A11	16/11/2010	Nữ	Kinh	P 02			P 01	P 01	P 02
2	101102	NGUYỄN VĂN THÀNH CHUNG	10A11	09/02/2010	Nam	Kinh	P 03			P 02	P 02	P 03
3	101103	NGUY NHỰ DANH	10A11	08/07/2010	Nam	Kinh	P 04			P 03	P 02	P 03
4	101104	NGÔ THẾ DÂN	10A11	10/01/2010	Nam	Kinh	P 04			P 03	P 02	P 03
5	101105	HÀ TRỌNG ĐẠT	10A11	08/01/2009	Nam	Thái	P 04			P 03	P 02	P 03
6	101106	NGUYỄN HỮU ĐẠT	10A11	22/12/2010	Nam	Kinh	P 04			P 03	P 02	P 04
7	101107	VÕ THÀNH ĐẠT	10A11	04/05/2010	Nam	Kinh	P 04			P 03	P 02	P 04
8	101108	LÊ HỒNG ĐỨC	10A11	17/07/2010	Nam	Kinh	P 05			P 03	P 02	P 04
9	101109	TRẦN THỊ HIỀN	10A11	22/10/2010	Nữ	Kinh	P 07			P 05	P 03	P 06
10	101110	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	10A11	07/10/2010	Nam	Kinh	P 07			P 05	P 03	P 06
11	101111	PHẠM HUY HOÀNG	10A11	06/05/2010	Nam	Kinh	P 08			P 05	P 03	P 06
12	101112	PHÙNG ĐÌNH HOÀNG	10A11	03/10/2010	Nam	Kinh	P 08			P 05	P 03	P 06
13	101113	CAO ĐẠİ HUY	10A11	18/03/2010	Nam	Kinh	P 09			P 06	P 04	P 07
14	101114	HOÀNG LINH	10A11	26/12/2010	Nữ	Nùng	P 10			P 07	P 04	P 08
15	101115	TRẦN KHÁNH LINH	10A11	24/12/2008	Nữ	Kinh	P 10			P 07	P 04	P 08
16	101116	HOÀNG VĂN MẠNH	10A11	24/09/2010	Nam	Kinh	P 10			P 07	P 04	P 08
17	101117	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	10A11	21/07/2010	Nữ	Kinh	P 11			P 08	P 05	P 09
18	101118	PHAN TRẦN VI NA	10A11	14/08/2010	Nữ	Kinh	P 11			P 08	P 05	P 09
19	101119	BÙI TẢ NAM	10A11	19/09/2010	Nam	Kinh	P 11			P 08	P 05	P 09
20	101120	NGUYỄN THỊ HẢI NGỌC	10A11	26/02/2010	Nữ	Kinh	P 13			P 08	P 05	P 10
21	101121	NGUYỄN THỊ MAI NGỌC	10A11	22/01/2010	Nữ	Kinh	P 13			P 08	P 05	P 10
22	101122	NÔNG ĐÌNH NGUYỄN	10A11	25/02/2010	Nam	Nùng	P 13			P 09	P 05	P 10
23	101123	ĐƯƠNG LÂM NHỰ	10A11	07/05/2010	Nữ	Kinh	P 14			P 09	P 06	P 11
24	101124	BẠCH THỊ DIỄM QUỲNH	10A11	20/02/2010	Nữ	Kinh	P 16			P 11	P 07	P 13
25	101125	NGUYỄN TRẦN VĂN THÀNH	10A11	16/11/2010	Nam	Kinh	P 17			P 11	P 07	P 14
26	101126	ĐÀM THỊ THU THẢO	10A11	24/07/2010	Nữ	Kinh	P 17			P 11	P 07	P 14
27	101127	LÊ CÔNG THIỆN	10A11	31/07/2009	Nam	Kinh	P 18			P 12	P 07	P 14
28	101128	MA THỊ THÚY TIỀM	10A11	08/11/2010	Nữ	Tày	P 19			P 13	P 07	P 15
29	101129	NGUYỄN ĐẮC TOÀN	10A11	04/09/2010	Nam	Kinh	P 19			P 13	P 08	P 15
30	101130	ĐỖ THỊ ÁNH TRANG	10A11	24/05/2010	Nữ	Kinh	P 20			P 13	P 08	P 16
31	101131	PHẠM THỊ BÍCH TRÂM	10A11	30/05/2010	Nữ	Kinh	P 19			P 13	P 08	P 16
32	101132	PHAN THỊ PHƯƠNG TRINH	10A11	21/05/2010	Nữ	Thái	P 20			P 14	P 08	P 16
33	101133	LỤC PHẠM BẢO TRÚC	10A11	12/09/2010	Nữ	Thái	P 20			P 14	P 08	P 16
34	101134	TRẦN DUY TRƯỜNG	10A11	23/03/2010	Nam	Kinh	P 20			P 14	P 08	P 17
35	101135	PHẠM NGỌC TÚ	10A11	24/09/2010	Nam	Kinh	P 21			P 14	P 08	P 17
36	101136	CAO HOÀNG TUÂN	10A11	25/08/2009	Nam	Chứt	P 21			P 14	P 08	P 17
37	101137	HỨA ĐỨC ANH TUẤN	10A11	28/01/2009	Nam	Tày	P 21			P 14	P 08	P 17
38	101138	TRẦN ANH TUẤN	10A11	29/05/2010	Nam	Kinh	P 21			P 14	P 08	P 17
39	101139	HOÀNG LONG UY	10A11	14/09/2010	Nam	Nùng	P 21			P 15	P 09	P 17
40	101140	NGUYỄN VĂN VIỆT	10A11	13/08/2009	Nam	Kinh	P 22			P 15	P 09	P 18
41	101141	ĐINH THỊ HÀ VY	10A11	05/11/2010	Nữ	Kinh	P 23			P 16	P 09	P 19
42	101142	PHẠM THỊ YẾN VY	10A11	18/01/2010	Nữ	Kinh	P 23			P 16	P 09	P 19

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 11A01

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	110101	NGUYỄN BÙI HÀ	AN	11A01	12/06/2009	Nữ	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
2	110102	ĐÀO HÀ	ANH	11A01	17/12/2009	Nữ	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
3	110103	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	11A01	16/04/2009	Nữ	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
4	110104	NGUYỄN THÁI NHẬT	ANH	11A01	13/03/2009	Nam	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
5	110105	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	11A01	12/04/2009	Nữ	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
6	110106	PHAN NÔNG HỒNG	ÁNH	11A01	22/03/2009	Nữ	Tày	P 02	P 11	P 15	P 20		P 12
7	110107	NGUYỄN TẤN GIA	BẢO	11A01	21/10/2009	Nam	Kinh	P 02	P 11	P 15	P 20		P 12
8	110108	ĐOÀN ĐỨC	DUY	11A01	03/01/2009	Nam	Kinh	P 05	P 13	P 17	P 22		P 15
9	110109	TRƯỜNG THỊ TRÀ	GIANG	11A01	24/10/2009	Nữ	Kinh	P 06	P 13	P 17	P 22		P 16
10	110110	HỒ NGỌC	HÀ	11A01	28/07/2009	Nữ	Kinh	P 06	P 13	P 17	P 22		P 16
11	110111	NGUYỄN THỊ THANH	HÀNG	11A01	10/06/2009	Nữ	Kinh	P 07	P 14	P 18	P 23		P 16
12	110112	NGUYỄN LƯƠNG THÚY	HIỀN	11A01	30/01/2009	Nữ	Kinh	P 07	P 14	P 18	P 23		P 17
13	110113	TRẦN THỊ THU	HOÀI	11A01	03/08/2009	Nữ	Kinh	P 08	P 14	P 18	P 23		P 17
14	110114	ĐÀO NGUYỄN ANH	KHOA	11A01	25/06/2009	Nam	Kinh	P 09	P 15	P 19	P 24		P 19
15	110115	PHẠM LÊ NHẬT	LAM	11A01	19/01/2009	Nữ	Kinh	P 09	P 15	P 19	P 24		P 19
16	110116	NGUYỄN VŨ NGỌC	LAN	11A01	30/11/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 15	P 19	P 24		P 19
17	110117	TRẦN HOÀNG THU	LÊ	11A01	30/03/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 15	P 19	P 24		P 19
18	110118	ĐÀO LÊ CẨM	LINH	11A01	28/03/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 15	P 19	P 24		P 19
19	110119	TRẦN KHÁNH	LINH	11A01	08/05/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 15	P 19	P 24		P 20
20	110120	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	LINH	11A01	08/09/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 15	P 19	P 24		P 20
21	110121	HOÀNG BẢO	LONG	11A01	05/08/2009	Nam	Kinh	P 11	P 16	P 20	P 25		P 21
22	110122	ĐỖ KHÁNH	NGỌC	11A01	28/10/2009	Nữ	Kinh	P 14	P 18	P 21	P 26		P 23
23	110123	HOÀNG THỊ THANH	NGỌC	11A01	09/01/2009	Nữ	Kinh	P 14	P 18	P 21	P 26		P 23
24	110124	NGUYỄN THẾ	NGỌC	11A01	13/11/2009	Nam	Kinh	P 14	P 18	P 21	P 26		P 23
25	110125	NGUYỄN THỊ HÀ	NHI	11A01	02/12/2009	Nữ	Kinh	P 15	P 19	P 22	P 27		P 24
26	110126	NGUYỄN THỊ	NHI	11A01	23/03/2009	Nữ	Kinh	P 15	P 19	P 22	P 27		P 24
27	110127	TRẦN PHƯƠNG	NHI	11A01	19/06/2009	Nữ	Kinh	P 15	P 19	P 22	P 27		P 24
28	110128	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	11A01	18/07/2009	Nữ	Kinh	P 16	P 19	P 23	P 28		P 25
29	110129	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	11A01	22/08/2009	Nữ	Kinh	P 16	P 19	P 23	P 28		P 25
30	110130	ĐOÀN THỊ QUỲNH	NHƯ	11A01	04/04/2009	Nữ	Kinh	P 15	P 19	P 22	P 27		P 25
31	110131	LÊ DOÃN QUỲNH	NHƯ	11A01	30/10/2009	Nữ	Kinh	P 16	P 19	P 22	P 27		P 25
32	110132	TRẦN TRIỆU KIỀU	OANH	11A01	01/01/2009	Nữ	Kinh	P 16	P 20	P 23	P 28		P 26
33	110133	TRẦN THỊ MINH	PHƯƠNG	11A01	12/07/2009	Nữ	Kinh	P 17	P 20	P 23	P 28		P 26
34	110134	HOÀNG TRẦN LỆ	QUYÊN	11A01	02/12/2009	Nữ	Kinh	P 17	P 20	P 23	P 28		P 27
35	110135	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	11A01	14/11/2009	Nữ	Kinh	P 17	P 20	P 24	P 29		P 27
36	110136	VŨ PHẠM NHƯ	QUỲNH	11A01	20/02/2009	Nữ	Kinh	P 17	P 20	P 24	P 29		P 27
37	110137	PHAN NÔNG TẤN	TÀI	11A01	22/03/2009	Nam	Tày	P 18	P 21	P 24	P 29		P 27
38	110138	CHU LÊ MINH	TÂM	11A01	23/11/2009	Nữ	Kinh	P 18	P 21	P 24	P 29		P 27
39	110139	TRẦN NGUYỄN THANH	THẢO	11A01	20/11/2009	Nữ	Kinh	P 19	P 21	P 24	P 29		P 28
40	110140	TẠ TU	THUẬN	11A01	10/03/2009	Nam	Kinh	P 20	P 22	P 25	P 30		P 29
41	110141	Nguyễn Đình	Thuận	11A01	23/02/2009	Nam	Kinh	P 20	P 22	P 25	P 30		P 29
42	110142	HOÀNG NGUYỄN HUYỀN	TRẦN	11A01	25/12/2009	Nữ	Kinh	P 21	P 22	P 25	P 30		P 30
43	110143	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	11A01	06/06/2009	Nam	Kinh	P 21	P 23	P 25	P 30		P 30
44	110144	TRẦN	TRỌNG	11A01	30/01/2009	Nam	Kinh	P 22	P 23	P 25	P 30		P 31
45	110145	NGUYỄN PHẠM THẢO	VY	11A01	01/01/2009	Nữ	Kinh	P 24	P 24	P 26	P 31		P 33

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 11A02

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
							Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	110201	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG AN	11A02	12/06/2009	Nam	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
2	110202	NGUYỄN QUỐC ANH	11A02	28/06/2009	Nam	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
3	110203	NGUYỄN HỒNG ANH	11A02	24/04/2009	Nữ	Kinh	P 02	P 11	P 15	P 20		P 12
4	110204	NGUYỄN GIA BẢO	11A02	21/06/2009	Nam	Kinh	P 02	P 11	P 16	P 21		P 12
5	110205	LÊ CHÍ CÔNG	11A02	11/05/2009	Nam	Kinh	P 04	P 12	P 16	P 21		P 14
6	110206	Trần Thanh Diễm	11A02	08/02/2009	Nữ	Kinh	P 04	P 12	P 17	P 22		P 14
7	110207	TRƯƠNG CÔNG DŨNG	11A02	05/10/2009	Nam	Kinh	P 05	P 12	P 17	P 22		P 15
8	110208	VÕ HỒNG DŨNG	11A02	02/10/2009	Nam	Kinh	P 05	P 12	P 17	P 22		P 15
9	110209	PHAN THỊ HƯƠNG DUYÊN	11A02	12/01/2009	Nữ	Kinh	P 06	P 13	P 17	P 22		P 15
10	110210	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	11A02	11/06/2009	Nam	Kinh	P 04	P 12	P 16	P 21		P 14
11	110211	NGUYỄN ANH ĐỨC	11A02	04/09/2009	Nam	Kinh	P 05	P 12	P 17	P 22		P 14
12	110212	MA THỊ THU HÀ	11A02	26/09/2009	Nữ	Nùng	P 06	P 13	P 17	P 22		P 16
13	110213	PHAN NGỌC HÀ	11A02	18/11/2009	Nữ	Kinh	P 06	P 13	P 18	P 23		P 16
14	110214	NGUYỄN QUANG HOÀNG HẢI	11A02	03/01/2009	Nam	Kinh	P 06	P 13	P 18	P 23		P 16
15	110215	PHẠM THỊ DIỆU HUYỀN	11A02	10/08/2009	Nữ	Kinh	P 08	P 14	P 19	P 24		P 18
16	110216	HOÀNG PHẠM THÀNH LONG	11A02	25/01/2009	Nam	Kinh	P 11	P 16	P 20	P 25		P 21
17	110217	HỒ LÊ ĐÔNG LỰC	11A02	06/04/2009	Nam	Kinh	P 11	P 16	P 20	P 25		P 21
18	110218	Phan Thị Khánh Ly	11A02	21/04/2009	Nữ	Kinh	P 11	P 16	P 20	P 25		P 21
19	110219	VÕ TRÚC LY	11A02	02/03/2009	Nữ	Kinh	P 11	P 16	P 20	P 25		P 21
20	110220	LÊ THỊ THANH MAI	11A02	22/04/2009	Nữ	Kinh	P 12	P 17	P 20	P 25		P 21
21	110221	TRẦN THỊ NGỌC MAI	11A02	16/05/2009	Nữ	Kinh	P 12	P 17	P 20	P 25		P 21
22	110222	VÕ THỊ TRÀ MI	11A02	12/01/2009	Nữ	Kinh	P 12	P 17	P 21	P 26		P 22
23	110223	PHẠM CAO MINH	11A02	04/06/2009	Nam	Kinh	P 12	P 17	P 21	P 26		P 22
24	110224	VŨ THÀNH NAM	11A02	25/06/2009	Nam	Kinh	P 13	P 17	P 21	P 26		P 22
25	110225	PHAN THỊ HOÀNG NGÂN	11A02	23/08/2009	Nữ	Kinh	P 13	P 18	P 21	P 26		P 23
26	110226	ĐOÀN GIA BẢO NGỌC	11A02	14/02/2009	Nữ	Kinh	P 14	P 18	P 21	P 26		P 23
27	110227	NGUYỄN BẢO NGỌC	11A02	12/12/2009	Nữ	Kinh	P 14	P 18	P 22	P 27		P 23
28	110228	NGUYỄN ĐOÀN BẢO NGỌC	11A02	12/05/2009	Nam	Kinh	P 14	P 18	P 22	P 27		P 23
29	110229	LÊ THẾ NHÂN	11A02	12/09/2009	Nam	Kinh	P 14	P 18	P 22	P 27		P 24
30	110230	TRẦN VĂN NHÂN	11A02	05/08/2009	Nam	Kinh	P 14	P 18	P 22	P 27		P 24
31	110231	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	11A02	28/11/2009	Nữ	Kinh	P 15	P 19	P 22	P 27		P 24
32	110232	VŨ NGUYỄN GIA NHƯ	11A02	02/01/2009	Nữ	Kinh	P 16	P 19	P 23	P 28		P 25
33	110233	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	11A02	01/08/2009	Nam	Kinh	P 17	P 20	P 23	P 28		P 26
34	110234	HOÀNG ANH QUÂN	11A02	27/03/2009	Nam	Kinh	P 17	P 20	P 23	P 28		P 26
35	110235	NÔNG THỊ DIỄM SƯƠNG	11A02	11/02/2009	Nữ	Nùng	P 18	P 21	P 24	P 29		P 27
36	110236	ĐÀO DUY TÀI	11A02	03/01/2009	Nam	Kinh	P 18	P 21	P 24	P 29		P 27
37	110237	DƯƠNG THÀNH	11A02	19/01/2009	Nam	Kinh	P 18	P 21	P 24	P 29		P 28
38	110238	LÊ THỊ THƠM	11A02	13/02/2009	Nữ	Kinh	P 19	P 21	P 24	P 29		P 28
39	110239	TRẦN TẤN TIẾN	11A02	01/01/2009	Nam	Kinh	P 20	P 22	P 25	P 30		P 29
40	110240	HOÀNG PHAN HÀ TRANG	11A02	26/02/2009	Nữ	Kinh	P 21	P 23	P 25	P 30		P 30
41	110241	NGUYỄN TRẦN ANH TUẤN	11A02	01/05/2009	Nam	Kinh	P 22	P 23	P 26	P 31		P 31
42	110242	PHÙNG THỊ NGỌC UYÊN	11A02	06/11/2009	Nữ	Kinh	P 23	P 23	P 26	P 31		P 32
43	110243	HOÀNG THỊ TUỜNG VI	11A02	28/11/2009	Nữ	Kinh	P 23	P 24	P 26	P 31		P 32
44	110244	NGUYỄN THỊ THẢO VY	11A02	28/10/2009	Nữ	Kinh	P 24	P 24	P 26	P 31		P 33

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 11A03

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	110301	NGUYỄN THÁI	AN	11A03	01/01/2009	Nam	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
2	110302	HỒ VIỆT	ANH	11A03	05/05/2009	Nam	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
3	110303	PHÍ THỊ PHƯƠNG	ANH	11A03	17/04/2009	Nữ	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
4	110304	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	11A03	18/03/2009	Nữ	Kinh	P 02	P 11	P 15	P 20		P 12
5	110305	HOÀNG GIA	BẢO	11A03	14/03/2009	Nam	Kinh	P 02	P 11	P 16	P 21		P 12
6	110306	NGUYỄN TRẦN HOÀI	BĂNG	11A03	09/06/2009	Nữ	Kinh	P 02	P 11	P 15	P 20		P 12
7	110307	NGUYỄN PHƯỚC HÒA	BÌNH	11A03	05/02/2009	Nam	Kinh	P 03	P 11	P 16	P 21		P 13
8	110308	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	11A03	12/02/2009	Nam	Kinh	P 04	P 12	P 16	P 21		P 14
9	110309	TRẦN QUANG	DANH	11A03	29/08/2009	Nam	Kinh	P 04	P 12	P 16	P 21		P 14
10	110310	PHẠM NGUYỄN THIÊN	DI	11A03	08/12/2009	Nữ	Kinh	P 04	P 12	P 17	P 22		P 14
11	110311	PHAN SỸ NGUYỄN	DUY	11A03	03/08/2009	Nam	Kinh	P 05	P 13	P 17	P 22		P 15
12	110312	TÔ THỊ THÙY	DƯƠNG	11A03	18/05/2009	Nữ	Kinh	P 05	P 13	P 17	P 22		P 15
13	110313	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	11A03	27/05/2009	Nam	Kinh	P 04	P 12	P 16	P 21		P 14
14	110314	NGUYỄN QUÝ	ĐĂNG	11A03	15/06/2009	Nam	Kinh	P 04	P 12	P 16	P 21		P 14
15	110315	VÕ NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	11A03	18/03/2009	Nữ	Kinh	P 06	P 13	P 17	P 22		P 16
16	110316	HOÀNG THỊ	HẰNG	11A03	12/06/2009	Nữ	Kinh	P 07	P 14	P 18	P 23		P 16
17	110317	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	11A03	28/08/2009	Nữ	Kinh	P 07	P 14	P 18	P 23		P 17
18	110318	TRẦN THANH NHÃ	HÂN	11A03	23/12/2009	Nữ	Kinh	P 06	P 13	P 18	P 23		P 16
19	110319	HOÀNG TRỌNG	HÙNG	11A03	22/01/2009	Nam	Kinh	P 08	P 14	P 18	P 23		P 18
20	110320	NGUYỄN QUANG	HUY	11A03	24/12/2009	Nam	Kinh	P 08	P 14	P 18	P 23		P 18
21	110321	PHAN VĂN	HUY	11A03	10/06/2009	Nam	Kinh	P 08	P 14	P 19	P 24		P 18
22	110322	NGUYỄN THỊ MAI	LAN	11A03	16/08/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 15	P 19	P 24		P 19
23	110323	NGUYỄN TIẾN	LÂM	11A03	29/12/2009	Nam	Kinh	P 09	P 15	P 19	P 24		P 19
24	110324	HUỖNH DUY	LỢI	11A03	02/03/2009	Nam	Kinh	P 11	P 16	P 20	P 25		P 21
25	110325	PHAN THÁI	MAI	11A03	14/11/2009	Nữ	Kinh	P 12	P 17	P 20	P 25		P 21
26	110326	HỒ NGỌC	MINH	11A03	14/09/2009	Nữ	Kinh	P 12	P 17	P 21	P 26		P 22
27	110327	NGHIÊM VÕ THẢO	MY	11A03	16/01/2009	Nữ	Kinh	P 12	P 17	P 21	P 26		P 22
28	110328	TRẦN HÀ DIỄM	MY	11A03	23/07/2009	Nữ	Kinh	P 12	P 17	P 21	P 26		P 22
29	110329	TRẦN NGỌC TRÀ	MY	11A03	23/03/2009	Nữ	Kinh	P 13	P 17	P 21	P 26		P 22
30	110330	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	11A03	21/09/2009	Nữ	Kinh	P 13	P 17	P 21	P 26		P 23
31	110331	PHẠM ĐỨC YẾN	NHI	11A03	11/05/2009	Nữ	Kinh	P 15	P 19	P 22	P 27		P 24
32	110332	NGUYỄN DUY	PHÁT	11A03	26/10/2009	Nam	Kinh	P 17	P 20	P 23	P 28		P 26
33	110333	NGUYỄN THỊ KHÁNH	QUỖNH	11A03	18/04/2009	Nữ	Kinh	P 17	P 20	P 24	P 29		P 27
34	110334	ĐẶNG XUÂN	SANG	11A03	01/01/2009	Nam	Kinh	P 18	P 21	P 24	P 29		P 27
35	110335	NGUYỄN THÀNH	SANG	11A03	02/12/2009	Nam	Kinh	P 18	P 21	P 24	P 29		P 27
36	110336	HỒ THỊ THANH	TÂM	11A03	06/04/2009	Nữ	Kinh	P 18	P 21	P 24	P 29		P 27
37	110337	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	11A03	28/04/2009	Nữ	Kinh	P 18	P 21	P 24	P 29		P 28
38	110338	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	11A03	22/02/2009	Nữ	Kinh	P 21	P 23	P 25	P 30		P 30
39	110339	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	11A03	16/05/2009	Nữ	Kinh	P 21	P 23	P 25	P 30		P 30
40	110340	NGUYỄN THANH	TRÚC	11A03	22/02/2009	Nữ	Kinh	P 22	P 23	P 25	P 30		P 31
41	110341	LÊ TRẦN NGUYỄN	VŨ	11A03	10/02/2009	Nam	Kinh	P 23	P 24	P 26	P 31		P 32
42	110342	VƯƠNG HOÀI	VŨ	11A03	19/05/2009	Nam	Kinh	P 23	P 24	P 26	P 31		P 32
43	110343	CAO PHÙNG HƯƠNG	XOAN	11A03	03/01/2009	Nữ	Kinh	P 24	P 24	P 26	P 31		P 33
44	110344	TRẦN THỊ	XUÂN	11A03	22/01/2009	Nữ	Kinh	P 24	P 24	P 26	P 31		P 33
45	110345	NGÔ THỊ HẢI	YẾN	11A03	04/11/2009	Nữ	Kinh	P 24	P 24	P 26	P 31		P 33

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 11A04

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	110401	PHAN NHƯ BẢO	AN	11A04	07/06/2009	Nam	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
2	110402	PHÙNG QUANG	CẢNH	11A04	24/04/2009	Nam	Kinh	P 03	P 11	P 16	P 21		P 13
3	110403	NGUYỄN CAO BẢO	CHI	11A04	10/12/2009	Nữ	Kinh	P 03	P 11	P 16	P 21		P 13
4	110404	NGUYỄN PHƯƠNG	CHI	11A04	27/11/2009	Nữ	Kinh	P 03	P 11	P 16	P 21		P 13
5	110405	NGUYỄN PHƯƠNG	DIỄM	11A04	17/12/2009	Nữ	Kinh	P 04	P 12	P 17	P 22		P 14
6	110406	LÊ HUY	DŨNG	11A04	07/11/2009	Nam	Kinh	P 05	P 12	P 17	P 22		P 15
7	110407	QUÁCH TIẾN	DŨNG	11A04	29/08/2009	Nam	Kinh	P 05	P 13	P 17	P 22		P 15
8	110408	TRẦN XUÂN	ĐỘ	11A04	23/04/2009	Nam	Kinh	P 05	P 12	P 17	P 22		P 14
9	110409	VŨ THỊ THU	HIỀN	11A04	03/02/2009	Nữ	Kinh	P 07	P 14	P 18	P 23		P 17
10	110410	LÊ VĂN ĐỨC	HIẾU	11A04	06/02/2009	Nam	Kinh	P 07	P 14	P 18	P 23		P 17
11	110411	NGUYỄN LÊ VĂN	HIẾU	11A04	03/05/2009	Nam	Kinh	P 07	P 14	P 18	P 23		P 17
12	110412	NGUYỄN HỮU	KHIÊM	11A04	12/10/2009	Nam	Kinh	P 09	P 15	P 19	P 24		P 19
13	110413	NGUYỄN TRƯƠNG XUÂN	KIỆT	11A04	11/05/2009	Nam	Kinh	P 09	P 15	P 19	P 24		P 19
14	110414	HÀ DIỆU	LINH	11A04	22/08/2009	Nữ	Thái	P 10	P 15	P 20	P 25		P 20
15	110415	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	NAM	11A04	03/04/2009	Nam	Kinh	P 13	P 17	P 21	P 26		P 22
16	110416	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	11A04	15/10/2009	Nữ	Kinh	P 13	P 18	P 21	P 26		P 23
17	110417	TRẦN THỊ THÚY	NGA	11A04	15/04/2009	Nữ	Sán Diu	P 13	P 18	P 21	P 26		P 23
18	110418	HỒ VÕ TRUNG	NGUYỄN	11A04	28/07/2009	Nam	Kinh	P 14	P 18	P 22	P 27		P 23
19	110419	LÊ ĐÌNH TRUNG	NGUYỄN	11A04	06/07/2009	Nam	Kinh	P 14	P 18	P 22	P 27		P 24
20	110420	VÕ ĐÌNH CHÍ	NHÂN	11A04	17/09/2009	Nam	Kinh	P 15	P 18	P 22	P 27		P 24
21	110421	HOÀNG THỊ YẾN	NHI	11A04	03/09/2009	Nữ	Tày	P 15	P 19	P 22	P 27		P 24
22	110422	LÊ THỊ YẾN	NHI	11A04	04/03/2009	Nữ	Kinh	P 15	P 19	P 22	P 27		P 24
23	110423	HÀ PHẠM HỒNG	NHUNG	11A04	13/06/2009	Nữ	Thái	P 16	P 19	P 23	P 28		P 25
24	110424	HOÀNG THỊ GIA	NHƯ	11A04	13/04/2009	Nữ	Kinh	P 16	P 19	P 23	P 28		P 25
25	110425	PHAN TẤN	NHỰT	11A04	07/10/2009	Nam	Kinh	P 16	P 20	P 23	P 28		P 25
26	110426	HỒ UYÊN	PHƯƠNG	11A04	01/06/2009	Nữ	Kinh	P 17	P 20	P 23	P 28		P 26
27	110427	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	PHƯƠNG	11A04	03/04/2009	Nam	Kinh	P 17	P 20	P 23	P 28		P 26
28	110428	NGUYỄN	QUYẾT	11A04	13/04/2009	Nam	Kinh	P 17	P 20	P 23	P 28		P 27
29	110429	NGUYỄN CÔNG	SINH	11A04	31/03/2009	Nam	Kinh	P 18	P 21	P 24	P 29		P 27
30	110430	ĐẶNG THỊ THU	THẢO	11A04	10/07/2009	Nữ	Kinh	P 19	P 21	P 24	P 29		P 28
31	110431	NGUYỄN LƯƠNG	THIỆN	11A04	23/06/2009	Nam	Kinh	P 19	P 21	P 24	P 29		P 28
32	110432	TRỊNH VĂN	THỊNH	11A04	22/08/2009	Nam	Kinh	P 19	P 21	P 24	P 29		P 28
33	110433	NGUYỄN VĂN	THUẬN	11A04	10/05/2009	Nam	Kinh	P 20	P 22	P 25	P 30		P 29
34	110434	Trần Thị Thu	Thủy	11A04	05/05/2009	Nữ	Kinh	P 20	P 22	P 25	P 30		P 29
35	110435	LÊ THỊ ANH	THỨ	11A04	02/02/2009	Nữ	Kinh	P 19	P 22	P 24	P 29		P 28
36	110436	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	11A04	17/08/2009	Nữ	Kinh	P 19	P 22	P 24	P 29		P 28
37	110437	HOÀNG TRẦN THANH	TRANG	11A04	01/02/2009	Nữ	Kinh	P 21	P 23	P 25	P 30		P 30
38	110438	TRỊNH THỊ HÀ	TRANG	11A04	27/10/2009	Nữ	Kinh	P 21	P 23	P 25	P 30		P 30
39	110439	NGUYỄN HUYỀN	TRÂM	11A04	12/06/2009	Nữ	Kinh	P 20	P 22	P 25	P 30		P 30
40	110440	DƯƠNG NHƯ BẢO	TRÂN	11A04	31/05/2009	Nữ	Kinh	P 21	P 22	P 25	P 30		P 30
41	110441	VƯƠNG MINH	TRIẾT	11A04	27/03/2009	Nam	Kinh	P 22	P 23	P 25	P 30		P 31
42	110442	ĐOÀN VĂN	TRỌNG	11A04	13/11/2009	Nam	Kinh	P 22	P 23	P 25	P 30		P 31
43	110443	LÊ ANH	TUẤN	11A04	11/02/2009	Nam	Kinh	P 22	P 23	P 26	P 31		P 31
44	110444	TRẦN THỊ ANH	TUYẾT	11A04	19/03/2009	Nữ	Kinh	P 22	P 23	P 26	P 31		P 31
45	110445	PHẠM THỊ TƯỜNG	VY	11A04	22/04/2009	Nữ	Kinh	P 24	P 24	P 26	P 31		P 33

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 11A05

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	110501	NGUYỄN LÂM TƯỜNG	AN	11A05	13/05/2009	Nữ	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
2	110502	VƯƠNG THẾ BẢO	AN	11A05	14/03/2009	Nam	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
3	110503	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	11A05	07/11/2009	Nữ	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
4	110504	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	11A05	22/06/2009	Nữ	Kinh	P 03	P 11	P 16	P 21		P 13
5	110505	NGUYỄN QUỐC	BÌNH	11A05	27/06/2009	Nam	Kinh	P 03	P 11	P 16	P 21		P 13
6	110506	TRẦN HUY	CÓ	11A05	23/05/2009	Nam	Kinh	P 04	P 12	P 16	P 21		P 14
7	110507	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DUY	11A05	15/12/2009	Nam	Kinh	P 06	P 13	P 17	P 22		P 15
8	110508	PHAN BẢO	DUY	11A05	09/04/2009	Nam	Kinh	P 06	P 13	P 17	P 22		P 15
9	110509	PHAN VŨ HOÀNG	DUY	11A05	13/12/2009	Nam	Kinh	P 06	P 13	P 17	P 22		P 15
10	110510	NGUYỄN THÁI	ĐẠT	11A05	18/06/2009	Nam	Kinh	P 04	P 12	P 16	P 21		P 14
11	110511	Hoàng Ngọc	Hân	11A05	02/09/2009	Nam	Nùng	P 06	P 13	P 18	P 23		P 16
12	110512	Trần Đức	Đạt	11A05	28/08/2009	Nam	Kinh	P 04	P 12	P 17	P 22		P 14
13	110513	VÕ TRƯỞNG THANH	HẢI	11A05	21/08/2009	Nam	Kinh	P 06	P 13	P 18	P 23		P 16
14	110514	ĐẶNG GIA	HÂN	11A05	24/09/2009	Nữ	Kinh	P 07	P 13	P 18	P 23		P 16
15	110515	HUỖNH NGỌC	HIẾU	11A05	16/05/2009	Nam	Kinh	P 07	P 14	P 18	P 23		P 17
16	110516	NGUYỄN QUANG	HOÀNG	11A05	14/02/2009	Nam	Kinh	P 08	P 14	P 18	P 23		P 17
17	110517	GIÁP THÁI	KHANG	11A05	01/01/2009	Nam	Kinh	P 09	P 15	P 19	P 24		P 18
18	110518	PHẠM TRẦN LINH	LAN	11A05	12/07/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 15	P 19	P 24		P 19
19	110519	NGÔ THỊ THÙY	LINH	11A05	13/04/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 16	P 20	P 25		P 20
20	110520	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	11A05	09/06/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 16	P 20	P 25		P 20
21	110521	PHAN THỊ DIỆU	LINH	11A05	09/03/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 16	P 20	P 25		P 20
22	110522	VÕ GIA	LINH	11A05	12/05/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 16	P 20	P 25		P 20
23	110523	ĐỖ HOÀNG	LONG	11A05	01/03/2009	Nam	Kinh	P 11	P 16	P 20	P 25		P 21
24	110524	HỒ HOÀNG LY	LY	11A05	28/10/2009	Nữ	Kinh	P 11	P 16	P 20	P 25		P 21
25	110525	KIỀU THỊ KHÁNH	LY	11A05	19/12/2009	Nữ	Kinh	P 11	P 16	P 20	P 25		P 21
26	110526	NGUYỄN QUỲNH KHÁNH	LY	11A05	08/11/2009	Nữ	Kinh	P 11	P 17	P 20	P 25		P 21
27	110527	TRẦN	MACNIN	11A05	30/04/2009	Nam	Kinh	P 12	P 17	P 20	P 25		P 21
28	110528	Lê Thị Khánh	Ngọc	11A05	20/12/2009	Nữ	Kinh	P 14	P 18	P 22	P 27		P 23
29	110529	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	11A05	11/08/2009	Nữ	Kinh	P 14	P 18	P 22	P 27		P 24
30	110530	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYỄN	11A05	03/08/2009	Nữ	Kinh	P 14	P 18	P 22	P 27		P 24
31	110531	PHAN HUY	NHÂN	11A05	10/01/2009	Nam	Kinh	P 15	P 18	P 22	P 27		P 24
32	110532	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	11A05	02/05/2009	Nữ	Kinh	P 15	P 19	P 22	P 27		P 24
33	110533	TRẦN THỊ TÚ	OANH	11A05	10/03/2009	Nữ	Kinh	P 16	P 20	P 23	P 28		P 26
34	110534	Nguyễn Ngọc	Trí	11A05	22/07/2009	Nam	Kinh	P 21	P 23	P 25	P 30		P 31
35	110535	LÊ ĐÌNH	PHONG	11A05	29/01/2009	Nam	Kinh	P 17	P 20	P 23	P 28		P 26
36	110536	PHAN VIỆT LÊ	PHƯỚC	11A05	29/01/2009	Nam	Kinh	P 17	P 20	P 23	P 28		P 26
37	110537	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	11A05	01/02/2009	Nữ	Kinh	P 18	P 21	P 24	P 29		P 27
38	110538	ĐÌNH NGUYỄN ANH	THỨ	11A05	23/05/2009	Nữ	Kinh	P 19	P 22	P 24	P 29		P 28
39	110539	NGUYỄN NGỌC ANH	THỨ	11A05	08/03/2009	Nữ	Kinh	P 19	P 22	P 24	P 29		P 29
40	110540	TRỊNH THỦY	TIÊN	11A05	23/11/2009	Nữ	Kinh	P 20	P 22	P 25	P 30		P 29
41	110541	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	11A05	01/08/2009	Nữ	Kinh	P 23	P 23	P 26	P 31		P 32
42	110542	BÙI VĂN	VŨ	11A05	18/02/2009	Nam	Kinh	P 23	P 24	P 26	P 31		P 32
43	110543	PHAN NGUYỄN	VŨ	11A05	20/08/2009	Nam	Kinh	P 23	P 24	P 26	P 31		P 32
44	110544	VŨ HẠ	VY	11A05	20/12/2009	Nữ	Kinh	P 24	P 24	P 26	P 31		P 33
45	110545	VŨ DIỆU	XUÂN	11A05	01/01/2009	Nữ	Kinh	P 24	P 24	P 26	P 31		P 33

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 11A06

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	110601	ĐINH THỊ KIM	ANH	11A06	09/03/2009	Nữ	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
2	110602	NGUYỄN ĐÌNH VIỆT	ANH	11A06	01/02/2009	Nam	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
3	110603	NGUYỄN THỊ HỒNG	ẤN	11A06	21/06/2009	Nữ	Kinh	P 01	P 10	P 15	P 20		P 11
4	110604	NGUYỄN GIA	BẢO	11A06	17/10/2009	Nam	Kinh	P 02	P 11	P 16	P 21		P 12
5	110605	NGUYỄN NGỌC	BÍCH	11A06	27/01/2009	Nữ	Kinh	P 03	P 11	P 16	P 21		P 13
6	110606	HỒ NGUYỆT	CẨM	11A06	21/09/2009	Nữ	Kinh	P 03	P 11	P 16	P 21		P 13
7	110607	BÙI THỊ KHÁNH	CHI	11A06	12/04/2009	Nữ	Kinh	P 03	P 11	P 16	P 21		P 13
8	110608	NGUYỄN THỊ KIỀU	CHINH	11A06	24/03/2009	Nữ	Kinh	P 04	P 11	P 16	P 21		P 13
9	110609	HỒ SỸ	DANH	11A06	14/11/2009	Nam	Kinh	P 04	P 12	P 16	P 21		P 14
10	110610	PHẠM THỊ	DIỄM	11A06	07/04/2009	Nữ	Kinh	P 04	P 12	P 17	P 22		P 14
11	110611	TRẦN BẢO	HÂN	11A06	07/04/2009	Nữ	Kinh	P 07	P 13	P 18	P 23		P 16
12	110612	PHAN HOÀNG	HIỆP	11A06	28/01/2009	Nam	Kinh	P 07	P 14	P 18	P 23		P 17
13	110613	MAI XUÂN	HIẾU	11A06	20/04/2009	Nam	Kinh	P 07	P 14	P 18	P 23		P 17
14	110614	ĐỖ VĂN	HOÀNG	11A06	22/11/2009	Nam	Kinh	P 08	P 14	P 18	P 23		P 17
15	110615	LƯƠNG QUANG	HUY	11A06	01/10/2009	Nam	Kinh	P 08	P 14	P 19	P 24		P 18
16	110616	Võ Thanh	Huyền	11A06	09/11/2009	Nữ	Kinh	P 08	P 14	P 19	P 24		P 18
17	110617	BÙI QUANG	KHÁI	11A06	23/11/2009	Nam	Kinh	P 09	P 15	P 19	P 24		P 18
18	110618	PHẠM XUÂN	KHÁNH	11A06	24/11/2009	Nam	Kinh	P 09	P 15	P 19	P 24		P 18
19	110619	NGUYỄN TRẦN ANH	KHOA	11A06	05/10/2009	Nam	Kinh	P 09	P 15	P 19	P 24		P 19
20	110620	TRẦN TRUNG	KIÊN	11A06	17/01/2009	Nam	Kinh	P 09	P 15	P 19	P 24		P 19
21	110621	NGUYỄN	KIỆT	11A06	10/01/2009	Nam	Kinh	P 09	P 15	P 19	P 24		P 19
22	110622	TRẦN NGỌC	LINH	11A06	23/06/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 16	P 20	P 25		P 20
23	110623	VŨ DƯƠNG TRÚC	LINH	11A06	04/09/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 16	P 20	P 25		P 20
24	110624	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	11A06	29/09/2009	Nữ	Kinh	P 12	P 17	P 20	P 25		P 21
25	110625	HỒ TIẾN	MẠNH	11A06	08/02/2009	Nam	Kinh	P 12	P 17	P 21	P 26		P 22
26	110626	ĐOÀN THỊ AN	NA	11A06	26/02/2009	Nữ	Kinh	P 13	P 17	P 21	P 26		P 22
27	110627	ĐẶNG QUANG	NAM	11A06	09/02/2009	Nam	Kinh	P 13	P 17	P 21	P 26		P 22
28	110628	NGUYỄN NHẬT	NAM	11A06	25/03/2009	Nam	Kinh	P 13	P 17	P 21	P 26		P 23
29	110629	TRẦN VĂN	NAM	11A06	12/04/2009	Nam	Kinh	P 13	P 17	P 21	P 26		P 23
30	110630	TRẦN KIM	NGÂN	11A06	15/05/2009	Nữ	Kinh	P 13	P 18	P 21	P 26		P 23
31	110631	NGUYỄN LÊ BẢO	NGỌC	11A06	22/08/2009	Nữ	Kinh	P 14	P 18	P 22	P 27		P 23
32	110632	NGUYỄN NGỌC THIÊN	NHI	11A06	17/05/2009	Nữ	Kinh	P 15	P 19	P 22	P 27		P 24
33	110633	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	11A06	20/08/2009	Nữ	Kinh	P 16	P 19	P 23	P 28		P 25
34	110634	TRẦN THỊ Ý	NHƯ	11A06	12/06/2009	Nữ	Kinh	P 16	P 19	P 23	P 28		P 25
35	110635	VŨ THỊ TÂM	NHƯ	11A06	15/11/2009	Nữ	Thái	P 16	P 19	P 23	P 28		P 25
36	110636	TRẦN THỊ KIỀU	OANH	11A06	25/11/2009	Nữ	Kinh	P 16	P 20	P 23	P 28		P 26
37	110637	NGUYỄN PHÚ	QUÝ	11A06	14/08/2009	Nam	Kinh	P 17	P 20	P 23	P 28		P 26
38	110638	CAO HUYỀN	THƯ	11A06	07/07/2009	Nữ	Kinh	P 19	P 22	P 25	P 30		P 29
39	110639	HUYỄN VĂN	TIẾN	11A06	02/02/2009	Nam	Kinh	P 20	P 22	P 25	P 30		P 29
40	110640	HOÀNG ANH	TÚ	11A06	19/08/2008	Nam	Kinh	P 22	P 23	P 25	P 30		P 31
41	110641	DƯƠNG KIM ANH	TUẤN	11A06	17/02/2009	Nam	Kinh	P 22	P 23	P 26	P 31		P 31
42	110642	PHAN THỊ HỒNG	VÂN	11A06	25/09/2009	Nữ	Kinh	P 23	P 24	P 26	P 31		P 32
43	110643	NGUYỄN CHÍNH AN	VŨ	11A06	08/06/2009	Nam	Kinh	P 23	P 24	P 26	P 31		P 32
44	110644	NGUYỄN NGỌC	VŨ	11A06	12/06/2009	Nam	Kinh	P 23	P 24	P 26	P 31		P 32
45	110645	TRẦN THỊ THẢO	VY	11A06	02/01/2008	Nữ	Kinh	P 24	P 24	P 26	P 31		P 33

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 11A07

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	110701	HOÀNG THỊ AN	AN	11A07	22/03/2009	Nữ	Kinh	P 01	P 10			P 17	P 11
2	110702	NGUYỄN THỊ HOÀI ANH	ANH	11A07	20/05/2009	Nữ	Kinh	P 01	P 10			P 17	P 11
3	110703	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	ANH	11A07	17/03/2009	Nữ	Kinh	P 01	P 10			P 17	P 11
4	110704	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	ÁNH	11A07	26/06/2009	Nữ	Kinh	P 02	P 11			P 17	P 12
5	110705	TRẦN THỊ NGỌC DIỄM	DIỄM	11A07	14/03/2009	Nữ	Kinh	P 04	P 12			P 18	P 14
6	110706	NGUYỄN ĐÌNH DUẬN	DUẬN	11A07	12/02/2009	Nam	Kinh	P 05	P 12			P 18	P 14
7	110707	Lê Thị Trúc Duyên	Duyên	11A07	17/02/2009	Nữ	Kinh	P 06	P 13			P 19	P 15
8	110708	TRẦN THU HÀ	HÀ	11A07	02/12/2009	Nữ	Kinh	P 06	P 13			P 19	P 16
9	110709	LÊ THỊ THÚY HẰNG	HẰNG	11A07	12/06/2009	Nữ	Kinh	P 07	P 14			P 19	P 17
10	110710	LÊ THỊ QUỲNH HÂN	HÂN	11A07	04/02/2009	Nữ	Kinh	P 07	P 13			P 19	P 16
11	110711	PHẠM GIA HUY	HUY	11A07	24/05/2009	Nam	Kinh	P 08	P 14			P 20	P 18
12	110712	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	HUYỀN	11A07	06/09/2009	Nữ	Kinh	P 09	P 15			P 20	P 18
13	110713	PHAN DUY KHOA	KHOA	11A07	19/01/2009	Nam	Kinh	P 09	P 15			P 20	P 19
14	110714	H LA VI NIÊ	NIÊ	11A07	24/11/2009	Nữ	Ê-đê	P 16	P 20			P 23	P 26
15	110715	ĐOÀN THỊ MỸ LINH	LINH	11A07	03/07/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 16			P 21	P 20
16	110716	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	LINH	11A07	23/08/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 16			P 21	P 20
17	110717	NGUYỄN LÊ KHÁNH LINH	LINH	11A07	22/04/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 16			P 21	P 20
18	110718	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	LINH	11A07	28/08/2009	Nữ	Kinh	P 10	P 16			P 21	P 20
19	110719	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	LINH	11A07	06/02/2009	Nữ	Kinh	P 11	P 16			P 21	P 20
20	110720	Phan Thị Thùy Linh	Linh	11A07	27/05/2009	Nữ	Kinh	P 11	P 16			P 21	P 20
21	110721	NGUYỄN HẢI QUANG MINH	MINH	11A07	11/07/2009	Nam	Kinh	P 12	P 17			P 22	P 22
22	110722	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	MY	11A07	27/12/2008	Nữ	Kinh	P 13	P 17			P 22	P 22
23	110723	VŨ HOÀI NGỌC	NGỌC	11A07	15/05/2009	Nữ	Kinh	P 14	P 18			P 22	P 23
24	110724	BÙI PHƯƠNG NHI	NHI	11A07	16/11/2009	Nữ	Mường	P 15	P 19			P 23	P 24
25	110725	TA YẾN NHI	NHI	11A07	16/03/2009	Nữ	Kinh	P 15	P 19			P 23	P 24
26	110726	LÊ BÙI TUYẾT NHUNG	NHUNG	11A07	10/10/2009	Nữ	Kinh	P 16	P 19			P 23	P 25
27	110727	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	NHUNG	11A07	17/01/2009	Nữ	Kinh	P 16	P 20			P 23	P 25
28	110728	ĐƯƠNG THỊ THU PHƯƠNG	PHƯƠNG	11A07	30/12/2009	Nữ	Kinh	P 17	P 20			P 23	P 26
29	110729	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	PHƯƠNG	11A07	09/02/2009	Nữ	Kinh	P 17	P 20			P 23	P 26
30	110730	HUỲNH VĂN TẤN SANG	SANG	11A07	23/05/2009	Nam	Kinh	P 18	P 21			P 24	P 27
31	110731	HỒ THỊ NHẢ TÂM	TÂM	11A07	28/08/2009	Nữ	Kinh	P 18	P 21			P 24	P 27
32	110732	HÀ THỊ PHƯƠNG THẢO	THẢO	11A07	12/01/2009	Nữ	Kinh	P 19	P 21			P 24	P 28
33	110733	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	THU	11A07	10/06/2009	Nữ	Kinh	P 19	P 22			P 24	P 28
34	110734	Nguyễn Trúc Anh Thư	Thư	11A07	13/10/2009	Nữ	Kinh	P 19	P 22			P 25	P 29
35	110735	HỒ THỊ NGỌC TRÂM	TRÂM	11A07	22/06/2009	Nữ	Kinh	P 21	P 22			P 25	P 30
36	110736	LÊ ĐỨC TRỌNG	TRỌNG	11A07	08/02/2007	Nam	Kinh	P 22	P 23			P 26	P 31
37	110737	NGUYỄN TRẦN NGỌC UYÊN	UYÊN	11A07	13/06/2009	Nữ	Kinh	P 23	P 24			P 26	P 32
38	110738	LƯƠNG THỊ CẨM VY	VY	11A07	12/08/2009	Nữ	Kinh	P 24	P 24			P 27	P 33
39	110739	PHẠM HOÀNG YẾN	YẾN	11A07	17/08/2009	Nữ	Tày	P 24	P 24			P 27	P 33

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 11A08

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	110801	NGUYỄN LÊ HÀ	AN	11A08	18/05/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 10			P 17	P 11
2	110802	NGUYỄN THỊ HOÀI	AN	11A08	27/04/2009	Nữ	Kinh	P 01	P 10			P 17	P 11
3	110803	PHẠM THỊ MAI	ANH	11A08	04/08/2009	Nữ	Kinh	P 02	P 10			P 17	P 11
4	110804	PHAN THỊ NGỌC	ANH	11A08	10/10/2009	Nữ	Kinh	P 02	P 11			P 17	P 12
5	110805	HOÀNG GIA	BẢO	11A08	16/10/2009	Nam	Kinh	P 02	P 11			P 17	P 12
6	110806	NGUYỄN QUANG	BẢO	11A08	13/08/2009	Nam	Kinh	P 02	P 11			P 17	P 12
7	110807	VĂN DƯƠNG BẢO	BẢO	11A08	27/11/2009	Nữ	Kinh	P 02	P 11			P 17	P 12
8	110808	MAI ĐẶNG THỦY	DUNG	11A08	20/12/2009	Nữ	Kinh	P 05	P 12			P 18	P 15
9	110809	DƯƠNG VĂN	DỮNG	11A08	04/12/2009	Nam	Kinh	P 05	P 13			P 19	P 15
10	110810	ĐẶNG NÔNG THÀNH	ĐẠT	11A08	08/01/2009	Nam	Nùng	P 04	P 12			P 18	P 14
11	110811	ĐOÀN PHƯỚC	HIẾU	11A08	31/08/2009	Nam	Kinh	P 07	P 14			P 19	P 17
12	110812	HOÀNG PHI	HÙNG	11A08	16/02/2009	Nam	Nùng	P 08	P 14			P 20	P 18
13	110813	HOÀNG THỊ THANH	HUYỀN	11A08	06/05/2009	Nữ	Kinh	P 09	P 15			P 20	P 18
14	110814	ĐẶNG TRẦN GIA	KIM	11A08	11/09/2009	Nữ	Kinh	P 09	P 15			P 20	P 19
15	110815	LÊ THỊ KHÁNH	LINH	11A08	11/02/2009	Nữ	Kinh	P 11	P 16			P 21	P 20
16	110816	NGUYỄN HOÀNG	LINH	11A08	06/09/2009	Nữ	Kinh	P 11	P 16			P 21	P 20
17	110817	LÊ TRÀ	MY	11A08	10/05/2009	Nữ	Kinh	P 13	P 17			P 22	P 22
18	110818	ĐOÀN THỊ QUỲNH	NGA	11A08	05/05/2009	Nữ	Kinh	P 13	P 18			P 22	P 23
19	110819	TRẦN THẢO	NGUYỄN	11A08	19/06/2009	Nữ	Kinh	P 14	P 18			P 22	P 24
20	110820	TẠ LÊ LONG	NHẬT	11A08	26/07/2009	Nam	Kinh	P 15	P 19			P 23	P 24
21	110821	PHAN THỊ CẨM	NHUNG	11A08	07/03/2009	Nữ	Kinh	P 16	P 20			P 23	P 25
22	110822	LÊ THANH	TÂM	11A08	06/12/2009	Nữ	Kinh	P 18	P 21			P 24	P 27
23	110823	PHẠM THANH	THẢO	11A08	24/08/2009	Nữ	Kinh	P 19	P 21			P 24	P 28
24	110824	PHẠM THỊ THANH	THẢO	11A08	26/07/2009	Nữ	Kinh	P 19	P 21			P 24	P 28
25	110825	HOÀNG THỊ BÍCH	THẨM	11A08	23/09/2009	Nữ	Nùng	P 18	P 21			P 24	P 28
26	110826	BÙI THỊ HOÀI	THƯƠNG	11A08	20/03/2009	Nữ	Mường	P 20	P 22			P 25	P 29
27	110827	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	11A08	30/10/2009	Nữ	Tày	P 20	P 22			P 25	P 29
28	110828	ĐỖ THỦY	TIÊN	11A08	28/03/2009	Nữ	Kinh	P 20	P 22			P 25	P 29
29	110829	PHẠM TRUNG	TÍN	11A08	28/02/2009	Nam	Kinh	P 20	P 22			P 25	P 29
30	110830	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	11A08	01/01/2009	Nữ	Tày	P 21	P 23			P 25	P 30
31	110831	PHẠM QUỲNH	TRANG	11A08	30/11/2009	Nữ	Kinh	P 21	P 23			P 25	P 30
32	110832	ĐÌNH TRẦN BẢO	TRÂM	11A08	10/12/2009	Nữ	Kinh	P 21	P 22			P 25	P 30
33	110833	TRẦN THỊ BẢO	TRÂM	11A08	11/04/2009	Nữ	Kinh	P 21	P 22			P 25	P 30
34	110834	ĐOÀN MINH	TRÍ	11A08	01/01/2009	Nam	Kinh	P 21	P 23			P 26	P 31
35	110835	PHAN HOÀNG YẾN	TRINH	11A08	04/05/2009	Nữ	Kinh	P 22	P 23			P 26	P 31
36	110836	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	11A08	27/09/2009	Nữ	Kinh	P 22	P 23			P 26	P 31
37	110837	NGUYỄN THỊ THANH	VĂN	11A08	03/09/2009	Nữ	Kinh	P 23	P 24			P 27	P 32
38	110838	LỘC ĐÀM TRIỆU	VY	11A08	26/03/2009	Nữ	Tày	P 24	P 24			P 27	P 33
39	110839	PHAN TRẦN ĐÌNH	VỸ	11A08	25/03/2009	Nam	Kinh	P 24	P 24			P 27	P 33
40	110840	BÙI THỊ HẢI	YẾN	11A08	16/10/2009	Nữ	Kinh	P 24	P 24			P 27	P 33

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 11A09

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
							Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	110901	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	11A09	24/03/2009	Nam	Kinh	P 03				P 17	P 12
2	110902	NGUYỄN THỊ DIỆU CHÂU	11A09	30/08/2009	Nữ	Tày	P 03				P 18	P 13
3	110903	NÔNG THỊ CHI	11A09	30/04/2009	Nữ	Tày	P 03				P 18	P 13
4	110904	TRẦN THUY DUNG	11A09	07/12/2009	Nữ	Kinh	P 05				P 18	P 15
5	110905	HOÀNG TRỌNG DŨNG	11A09	05/06/2009	Nam	Kinh	P 05				P 19	P 15
6	110906	NGUYỄN HẢI ĐỨC	11A09	01/08/2009	Nam	Kinh	P 05				P 18	P 14
7	110907	PHẠM MINH ĐỨC	11A09	22/07/2009	Nam	Kinh	P 05				P 18	P 15
8	110908	NGUYỄN THỊ THU HÀ	11A09	23/03/2009	Nữ	Kinh	P 06				P 19	P 16
9	110909	THÂN VĂN HIẾU	11A09	30/01/2009	Nam	Kinh	P 07				P 19	P 17
10	110910	PHẠM THỊ HOÀ	11A09	08/11/2009	Nữ	Kinh	P 08				P 20	P 17
11	110911	PHAN MẠNH HÙNG	11A09	21/05/2009	Nam	Kinh	P 08				P 20	P 18
12	110912	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	11A09	12/02/2009	Nữ	Kinh	P 08				P 20	P 18
13	110913	LẠI HUY KHÁNH	11A09	18/11/2009	Nam	Kinh	P 09				P 20	P 19
14	110914	VÕ THỊ MAI LAM	11A09	08/04/2009	Nữ	Kinh	P 09				P 20	P 19
15	110915	TRẦN THỊ MỸ LÊ	11A09	15/01/2009	Nữ	Nùng	P 10				P 21	P 19
16	110916	TRẦN THỊ LIÊN	11A09	05/02/2009	Nữ	Kinh	P 10				P 21	P 19
17	110917	ĐÀM NGỌC PHƯƠNG LINH	11A09	22/02/2009	Nữ	Kinh	P 11				P 21	P 20
18	110918	LÊ THỊ THÙY LINH	11A09	01/11/2009	Nữ	Kinh	P 11				P 21	P 20
19	110919	LÊ TRƯỜNG TRÀ MY	11A09	03/08/2009	Nữ	Kinh	P 13				P 22	P 22
20	110920	TRẦN TRÀ MY	11A09	22/08/2009	Nữ	Kinh	P 13				P 22	P 22
21	110921	NGUYỄN KIM NGÂN	11A09	12/03/2009	Nữ	Tày	P 13				P 22	P 23
22	110922	HÀ BẢO NHI	11A09	17/04/2009	Nữ	Thái	P 15				P 23	P 25
23	110923	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	11A09	18/06/2009	Nữ	Tày	P 15				P 23	P 25
24	110924	NGUYỄN THANH QUÂN	11A09	07/11/2008	Nam	Kinh	P 17				P 23	P 26
25	110925	PHAN ĐÌNH NHẬT SƠN	11A09	01/08/2009	Nam	Kinh	P 18				P 24	P 27
26	110926	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	11A09	27/12/2009	Nữ	Kinh	P 19				P 24	P 28
27	110927	PHẠM NGỌC THỊNH	11A09	22/10/2009	Nam	Kinh	P 19				P 24	P 28
28	110928	NGUYỄN ĐĂNG THANH THÚY	11A09	31/01/2009	Nữ	Kinh	P 20				P 25	P 29
29	110929	NGUYỄN THỊ THÚY	11A09	29/11/2008	Nữ	Kinh	P 20				P 25	P 29
30	110930	DƯƠNG HOÀNG ANH THỨ	11A09	22/12/2009	Nữ	Kinh	P 19				P 25	P 29
31	110931	TÔ THỊ TÌNH	11A09	12/01/2009	Nữ	Kinh	P 20				P 25	P 30
32	110932	H - TRANG KSỜ	11A09	28/04/2009	Nữ	Ê Đê	P 09				P 20	P 19
33	110933	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	11A09	03/07/2009	Nữ	Kinh	P 21				P 25	P 30
34	110934	TRẦN THỊ CẨM TÚ	11A09	19/10/2009	Nữ	Kinh	P 22				P 26	P 31
35	110935	MA LÊ TUYẾT	11A09	05/07/2009	Nữ	Tày	P 22				P 26	P 31
36	110936	HOÀNG THỊ THU UYÊN	11A09	16/11/2009	Nữ	Tày	P 23				P 26	P 32
37	110937	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	11A09	18/02/2009	Nữ	Kinh	P 23				P 26	P 32
38	110938	PHAN THỊ HOÀNG UYÊN	11A09	03/02/2009	Nữ	Thổ	P 23				P 26	P 32
39	110939	TRẦN LÝ HÀN UYÊN	11A09	31/03/2009	Nữ	Kinh	P 23				P 26	P 32
40	110940	HOÀNG DUY VIỆT	11A09	01/11/2009	Nam	Tày	P 23				P 27	P 32
41	110941	PHẠM THỊ YẾN VY	11A09	03/10/2009	Nữ	Kinh	P 24				P 27	P 33
42	110942	NÔNG NHẬT VỸ	11A09	27/02/2009	Nam	Nùng	P 24				P 27	P 33
43	110943	NGUYỄN THỊ BẢO YẾN	11A09	27/03/2009	Nữ	Kinh	P 24				P 27	P 33

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 11A10

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	111001	ĐINH LÃNH QUỲNH	ANH	11A10	02/05/2009	Nữ	Tày	P 02				P 17	P 12
2	111002	LÊ CHÂU	ANH	11A10	05/08/2009	Nữ	Kinh	P 02				P 17	P 12
3	111003	PHAN NGUYỄN GIA	BẢO	11A10	28/11/2009	Nam	Kinh	P 03				P 17	P 12
4	111004	ĐẶNG	CHÂU	11A10	23/02/2009	Nam	Kinh	P 03				P 18	P 13
5	111005	PHẠM THANH	CHÂU	11A10	13/12/2009	Nam	Thái	P 03				P 18	P 13
6	111006	HUỶNH HẢI	ĐẶNG	11A10	02/03/2009	Nam	Kinh	P 04				P 18	P 14
7	111007	NGUYỄN THỊ BÍCH	HIỀN	11A10	02/08/2009	Nữ	Kinh	P 07				P 19	P 17
8	111008	PHAN THỊ NHƯ	HIỀN	11A10	02/02/2009	Nữ	Kinh	P 07				P 19	P 17
9	111009	LÊ THỊ	HỒNG	11A10	20/11/2009	Nữ	Kinh	P 08				P 20	P 18
10	111010	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	11A10	19/03/2009	Nữ	Kinh	P 08				P 20	P 18
11	111011	Y KHIÊM	MLÔ	11A10	25/02/2009	Nam	Ê-đê	P 12				P 22	P 22
12	111012	NGUYỄN QUỐC	LÂM	11A10	07/03/2009	Nam	Kinh	P 10				P 20	P 19
13	111013	PHẠM QUỐC	LÂM	11A10	21/12/2009	Nam	Kinh	P 10				P 21	P 19
14	111014	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LOAN	11A10	09/02/2009	Nữ	Kinh	P 11				P 21	P 21
15	111015	NGUYỄN PHAN KHÁNH	LY	11A10	10/08/2009	Nữ	Kinh	P 12				P 21	P 21
16	111016	NGUYỄN THỊ ÁNH	LY	11A10	01/11/2009	Nữ	Kinh	P 12				P 21	P 21
17	111017	DƯƠNG THỊ TRÀ	MY	11A10	30/08/2009	Nữ	Kinh	P 13				P 22	P 22
18	111018	HỒ BÙI THỊ TRÀ	MY	11A10	20/03/2009	Nữ	Kinh	P 13				P 22	P 22
19	111019	LÊ NGUYỄN BÍCH	NGỌC	11A10	18/12/2009	Nữ	Kinh	P 14				P 22	P 23
20	111020	TRIỆU THỊ BẢO	NGỌC	11A10	06/06/2009	Nữ	Tày	P 14				P 22	P 23
21	111021	HOÀNG LÊ TRUNG	NGUYỄN	11A10	04/08/2009	Nam	Kinh	P 14				P 22	P 24
22	111022	LÊ THỊ THẢO	NGUYỄN	11A10	20/02/2009	Nữ	Kinh	P 14				P 22	P 24
23	111023	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	11A10	22/06/2009	Nữ	Kinh	P 15				P 23	P 25
24	111024	HOÀNG THỊ HỒNG	NHUNG	11A10	19/09/2009	Nữ	Kinh	P 16				P 23	P 25
25	111025	NGUYỄN ĐỨC	PHƯƠNG	11A10	14/09/2008	Nam	Kinh	P 17				P 23	P 26
26	111026	HOÀNG THỊ	THIỆT	11A10	03/03/2009	Nữ	Nùng	P 19				P 24	P 28
27	111027	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	11A10	28/09/2009	Nữ	Kinh	P 20				P 25	P 29
28	111028	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	11A10	06/12/2009	Nữ	Kinh	P 20				P 25	P 29
29	111029	NGUYỄN BÙI THỦY	TIỀN	11A10	04/08/2009	Nữ	Kinh	P 20				P 25	P 29
30	111030	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG	11A10	29/03/2009	Nữ	Kinh	P 21				P 25	P 30
31	111031	PHẠM THỊ THU	TRANG	11A10	24/06/2009	Nữ	Kinh	P 21				P 26	P 30
32	111032	PHẠM THỊ THỦY	TRANG	11A10	29/09/2009	Nữ	Kinh	P 21				P 26	P 30
33	111033	TRẦN THỊ MAI	TRANG	11A10	10/07/2009	Nữ	Kinh	P 21				P 26	P 30
34	111034	HỒ THỊ NGỌC	TRINH	11A10	13/11/2009	Nữ	Kinh	P 22				P 26	P 31
35	111035	ĐỖ THỊ THANH	TRÚC	11A10	26/03/2009	Nữ	Kinh	P 22				P 26	P 31
36	111036	TRẦN MINH	TỰ	11A10	31/03/2009	Nam	Kinh	P 22				P 26	P 31
37	111037	TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	11A10	09/12/2009	Nữ	Kinh	P 23				P 27	P 32
38	111038	VÕ THỊ THẢO	UYÊN	11A10	10/07/2009	Nữ	Kinh	P 23				P 27	P 32
39	111039	TRẦN THỊ THẢO	VÂN	11A10	02/06/2009	Nữ	Kinh	P 23				P 27	P 32

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 11A11

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
							Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	111101	LÊ GIA BẢO	11A11	11/03/2009	Nam	Kinh	P 03				P 17	P 13
2	111102	PHAN NGUYỄN HOÀI BĂNG	11A11	03/07/2009	Nữ	Kinh	P 02				P 17	P 12
3	111103	TRẦN ĐÌNH CƯƠNG	11A11	01/01/2009	Nam	Kinh	P 04				P 18	P 14
4	111104	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	11A11	27/10/2009	Nữ	Kinh	P 05				P 19	P 15
5	111105	NGUYỄN HỒ ANH ĐỨC	11A11	23/01/2009	Nam	Kinh	P 05				P 18	P 15
6	111106	NGÔ DIỆP NGỌC HÀ	11A11	29/11/2009	Nữ	Kinh	P 06				P 19	P 16
7	111107	ĐÌNH MINH HIẾU	11A11	13/01/2009	Nam	Kinh	P 08				P 19	P 17
8	111108	TRẦN THỊ KIM HUỆ	11A11	25/02/2009	Nữ	Kinh	P 08				P 20	P 18
9	111109	Y HỮU KBUÔR	11A11	04/12/2009	Nam	Ê-đê	P 09				P 20	P 18
10	111110	NGUYỄN VĂN KHOA	11A11	23/05/2009	Nam	Kinh	P 09				P 20	P 19
11	111111	DƯƠNG THỊ TUƠNG LINH	11A11	22/12/2009	Nữ	Kinh	P 11				P 21	P 20
12	111112	TRẦN THỊ DIỆU LINH	11A11	15/06/2008	Nữ	Kinh	P 11				P 21	P 20
13	111113	HOÀNG BẢO LY	11A11	09/10/2009	Nữ	Nùng	P 12				P 21	P 21
14	111114	PHẠM MINH MẶN	11A11	07/10/2009	Nam	Kinh	P 12				P 22	P 22
15	111115	NGUYỄN LƯƠNG TUẤN MINH	11A11	26/10/2009	Nam	Kinh	P 12				P 22	P 22
16	111116	HỒ THỊ TRÀ MY	11A11	22/11/2009	Nữ	Kinh	P 13				P 22	P 22
17	111117	TRƯỜNG TÍNH NÊN	11A11	04/08/2009	Nữ	Kinh	P 13				P 22	P 23
18	111118	DƯƠNG THỊ THANH NHÀN	11A11	12/05/2009	Nữ	Kinh	P 14				P 22	P 24
19	111119	DƯƠNG THỊ YẾN NHI	11A11	15/12/2009	Nữ	Kinh	P 15				P 23	P 25
20	111120	LÊ THỊ YẾN NHI	11A11	10/01/2009	Nữ	Kinh	P 15				P 23	P 25
21	111121	NGUYỄN DUY PHONG	11A11	04/12/2009	Nam	Kinh	P 17				P 23	P 26
22	111122	NGUYỄN SỸ ANH QUÂN	11A11	09/05/2009	Nam	Kinh	P 17				P 24	P 26
23	111123	TRƯỜNG QUỐC QUÂN	11A11	10/06/2009	Nam	Kinh	P 17				P 24	P 26
24	111124	MAI THỊ THU QUYÊN	11A11	01/03/2009	Nữ	Kinh	P 17				P 24	P 27
25	111125	DƯƠNG THỊ GIANG THANH	11A11	19/10/2009	Nữ	Kinh	P 18				P 24	P 28
26	111126	VÌ THỊ NHẬT THẢO	11A11	13/09/2009	Nữ	Thái	P 19				P 24	P 28
27	111127	MA THỊ THOM	11A11	28/05/2009	Nữ	Tày	P 19				P 24	P 28
28	111128	PHẠM THỊ ANH THƯ	11A11	10/08/2009	Nữ	Kinh	P 20				P 25	P 29
29	111129	NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	11A11	02/05/2009	Nữ	Kinh	P 22				P 26	P 31
30	111130	NGÔ ĐÌNH VŨ	11A11	16/07/2009	Nam	Kinh	P 23				P 27	P 33
31	111131	NGUYỄN PHẠM NHƯ Ý	11A11	10/08/2009	Nữ	Kinh	P 24				P 27	P 33
32	111132	LÊ THỊ KIM YẾN	11A11	02/08/2009	Nữ	Kinh	P 24				P 27	P 33

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 11A12

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
								Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	111201	MA	VĂN ANH	11A12	25/09/2008	Nam	Tày	P 02				P 17	P 12
2	111202	VÕ	HỒNG CHÍ BẢO	11A12	13/04/2009	Nam	Kinh	P 03				P 17	P 13
3	111203	ĐỖ	ĐOÀN GIA CHI	11A12	16/02/2009	Nữ	Kinh	P 03				P 18	P 13
4	111204	ĐỖ	NGUYỄN YẾN CHI	11A12	21/11/2009	Nữ	Kinh	P 03				P 18	P 13
5	111205	NÔNG	THỊ KIM CHI	11A12	11/03/2009	Nữ	Tày	P 03				P 18	P 13
6	111206	BÀNG	THỊ THÚY DUNG	11A12	03/09/2009	Nữ	Nùng	P 05				P 18	P 15
7	111207	LUÔNG	THÁI DƯƠNG	11A12	14/01/2009	Nam	Nùng	P 05				P 19	P 15
8	111208	NGUYỄN	BÁ ĐỨC	11A12	21/07/2009	Nam	Kinh	P 05				P 18	P 15
9	111209	PHẠM	THẾ ĐỨC	11A12	17/02/2008	Nam	Kinh	P 05				P 18	P 15
10	111210	TÔ	THỊ NGỌC GIANG	11A12	25/10/2009	Nữ	Kinh	P 06				P 19	P 16
11	111211	THÂN	THỊ HỒNG HÀ	11A12	28/09/2009	Nữ	Kinh	P 06				P 19	P 16
12	111212	TRỊNH	THỊ LỆ HÀ	11A12	03/11/2009	Nữ	Kinh	P 06				P 19	P 16
13	111213	TRỊNH	THỊ THIÊN HẠNH	11A12	05/08/2009	Nữ	Kinh	P 07				P 19	P 17
14	111214	CHU	THỊ MỸ HẢO	11A12	08/04/2009	Nữ	Kinh	P 07				P 19	P 17
15	111215	CHU	VĂN TRẦN HOÀN	11A12	08/04/2009	Nam	Kinh	P 08				P 20	P 17
16	111216	GIÁP	QUỐC HÙNG	11A12	05/08/2009	Nam	Kinh	P 08				P 20	P 18
17	111217	TRẦN	THỊ NGỌC HUYỀN	11A12	11/07/2008	Nữ	Kinh	P 09				P 20	P 18
18	111218	ĐINH	VĂN KHẢI	11A12	01/01/2009	Nam	Kinh	P 09				P 20	P 18
19	111219	NGÔ	VĂN LƯƠNG	11A12	20/10/2009	Nam	Kinh	P 11				P 21	P 21
20	111220	NGUYỄN	THỊ XUÂN MAI	11A12	23/01/2009	Nữ	Kinh	P 12				P 22	P 21
21	111221	H	NGHĨA BDAP	11A12	30/09/2009	Nữ	Ê Đê	P 03				P 18	P 13
22	111222	ĐINH	THỊ YẾN NHI	11A12	01/12/2009	Nữ	Kinh	P 15				P 23	P 25
23	111223	TRẦN	THỊ BẢO NHI	11A12	11/04/2009	Nữ	Kinh	P 15				P 23	P 25
24	111224	H	RÊ BÊ KA NIÊ	11A12	16/11/2009	Nữ	Ê Đê	P 16				P 23	P 26
25	111225	NGUYỄN	ANH THƠ	11A12	03/04/2009	Nam	Kinh	P 19				P 24	P 28
26	111226	NGUYỄN	ĐẶNG TOÀN	11A12	15/09/2008	Nam	Kinh	P 20				P 25	P 30
27	111227	TRẦN	THỊ THỦY TRANG	11A12	29/10/2009	Nữ	Kinh	P 21				P 26	P 30
28	111228	NGUYỄN	PHƯƠNG TRINH	11A12	11/04/2009	Nữ	Kinh	P 22				P 26	P 31
29	111229	H -	TUYẾT NIÊ	11A12	12/03/2009	Nữ	Ê-đê	P 16				P 23	P 26
30	111230	Lục Lưu	Bạch Tuyết	11A12	25/03/2009	Nữ	Tày	P 22				P 26	P 32
31	111231	NGUYỄN	THỊ TỰ	11A12	12/08/2009	Nữ	Kinh	P 22				P 26	P 31
32	111232	NÔNG	TƯỜNG VI	11A12	26/12/2009	Nữ	Nùng	P 23				P 27	P 32
33	111233	LÊ	THỊ HẢI YẾN	11A12	26/06/2009	Nữ	Kinh	P 24				P 27	P 33

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 11A13

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn					
							Toán Văn Sử	Lí	Hóa	Sinh	Địa	T Anh
1	111301	HOÀNG VĂN ANH	11A13	17/05/2009	Nam	Kinh	P 02				P 17	P 12
2	111302	TRẦN THỊ NGỌC	11A13	10/12/2009	Nữ	Tày	P 02				P 17	P 12
3	111303	HỒ THỊ NGỌC	11A13	07/09/2009	Nữ	Kinh	P 02				P 17	P 12
4	111304	PHAN QUỐC BẢO	11A13	13/09/2009	Nam	Kinh	P 03				P 17	P 13
5	111305	NGUYỄN THỊ HOÀI	11A13	10/02/2009	Nữ	Kinh	P 02				P 17	P 12
6	111306	NGUYỄN THỊ KIM	11A13	28/10/2009	Nữ	Kinh	P 04				P 18	P 13
7	111307	MA THỊ KIM	11A13	13/01/2009	Nữ	Tày	P 04				P 18	P 13
8	111308	NGUYỄN HỒNG	11A13	11/12/2009	Nữ	Kinh	P 04				P 18	P 14
9	111309	BÙI PHƯƠNG	11A13	24/01/2009	Nữ	Kinh	P 06				P 19	P 16
10	111310	NGUYỄN THỊ THU	11A13	22/02/2009	Nữ	Kinh	P 06				P 19	P 16
11	111311	NGUYỄN GIA	11A13	09/11/2008	Nữ	Kinh	P 07				P 19	P 16
12	111312	BÙI VĂN HIỆP	11A13	09/08/2009	Nam	Mường	P 07				P 19	P 17
13	111313	VŨ THỊ HOA	11A13	22/03/2009	Nữ	Kinh	P 08				P 20	P 17
14	111314	NGUYỄN GIA HUY	11A13	06/12/2009	Nam	Kinh	P 08				P 20	P 18
15	111315	HOÀNG THỊ LINH	11A13	26/08/2009	Nữ	Kinh	P 11				P 21	P 20
16	111316	LÊ THỊ KHÁNH	11A13	06/12/2009	Nữ	Kinh	P 11				P 21	P 20
17	111317	ĐẶNG THỊ TRÚC	11A13	21/04/2009	Nữ	Kinh	P 12				P 21	P 21
18	111318	HOÀNG THIÊN LÝ	11A13	16/11/2009	Nữ	Tày	P 12				P 21	P 21
19	111319	TRẦN ĐÌNH MINH	11A13	02/09/2009	Nam	Kinh	P 12				P 22	P 22
20	111320	NGUYỄN HỒNG NGỌC	11A13	13/10/2009	Nữ	Kinh	P 14				P 22	P 23
21	111321	PHẠM THỊ QUỲNH	11A13	22/12/2009	Nữ	Kinh	P 16				P 23	P 25
22	111322	ĐÌNH NHƯ QUỲNH	11A13	14/12/2009	Nữ	Kinh	P 18				P 24	P 27
23	111323	NGUYỄN TRẦN NHƯ QUỲNH	11A13	01/10/2009	Nữ	Kinh	P 18				P 24	P 27
24	111324	H RI TA NIÊ	11A13	12/03/2009	Nữ	Ê Đê	P 16				P 23	P 26
25	111325	HÀ ĐỨC TÀI	11A13	11/07/2009	Nam	Thái	P 18				P 24	P 27
26	111326	NGUYỄN ANH TÀI	11A13	22/11/2009	Nam	Kinh	P 18				P 24	P 27
27	111327	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THANH	11A13	25/06/2009	Nữ	Kinh	P 18				P 24	P 28
28	111328	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	11A13	28/11/2009	Nữ	Kinh	P 20				P 25	P 29
29	111329	NGUYỄN VĂN TIẾN	11A13	13/07/2008	Nam	Kinh	P 20				P 25	P 29
30	111330	PHẠM QUÊ TRÂM	11A13	02/05/2009	Nữ	Kinh	P 21				P 25	P 30
31	111331	TRẦN NỮ BẠCH TUYẾT	11A13	15/08/2009	Nữ	Chứt	P 22				P 26	P 32
32	111332	Đặng Nhật Trung	11A13	03/01/2009	Nam	Kinh	P 22				P 26	P 31
33	111333	LÊ THỊ CẨM VÂN	11A13	10/03/2009	Nữ	Kinh	P 23				P 27	P 32
34	111334	NGUYỄN THẢO VY	11A13	05/10/2009	Nữ	Kinh	P 24				P 27	P 33
35	111335	PHAN THỊ HÀ VY	11A13	01/03/2009	Nữ	Kinh	P 24				P 27	P 33
36	111336	NÔNG THỊ YẾN	11A13	17/12/2009	Nữ	Tày	P 24				P 27	P 33

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 12A02

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn			
								Toán, Lí Văn, Sử Anh	Hóa	Sinh	Địa
1	120201	PHAN THỊ VÂN	AN	12A02	13/09/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	
2	120202	ĐÀM HÀ	ANH	12A02	02/08/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	
3	120203	NGUYỄN QUỲNH	ANH	12A02	21/05/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	
4	120204	HÀ THỊ ÁNH	BÍCH	12A02	16/02/2008	Nữ	Kinh	P 02	P 02	P 02	
5	120205	NGUYỄN THỊ MINH	CHÂU	12A02	15/01/2008	Nữ	Kinh	P 02	P 02	P 02	
6	120206	NGUYỄN THỊ	CHI	12A02	14/03/2008	Nữ	Tày	P 02	P 02	P 02	
7	120207	PHẠM VĂN	CHUNG	12A02	15/08/2008	Nam	Kinh	P 03	P 02	P 02	
8	120208	TRẦN VĂN THỂ	ĐAN	12A02	13/02/2008	Nam	Kinh	P 03	P 02	P 02	
9	120209	LÊ DOÃN	ĐỨC	12A02	18/04/2008	Nam	Kinh	P 03	P 03	P 02	
10	120210	ĐỒNG THỊ	HẠNH	12A02	28/08/2008	Nữ	Kinh	P 05	P 04	P 03	
11	120211	DƯƠNG VĂN	HIẾU	12A02	23/08/2008	Nam	Kinh	P 06	P 04	P 04	
12	120212	NGUYỄN THỊ	HOA	12A02	28/06/2008	Nữ	Kinh	P 06	P 04	P 04	
13	120213	TRẦN THỊ	HOÀI	12A02	10/03/2008	Nữ	Kinh	P 06	P 05	P 04	
14	120214	NGUYỄN HỮU	HOÀN	12A02	01/01/2008	Nam	Kinh	P 06	P 05	P 04	
15	120215	CAO THỊ HÀ	LINH	12A02	28/11/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 06	P 05	
16	120216	NGUYỄN THỊ HOÀNG	LINH	12A02	10/09/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 06	P 05	
17	120217	PHẠM THÙY	LINH	12A02	12/12/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 06	P 05	
18	120218	TRẦN VĂN HOÀNG	LONG	12A02	07/08/2008	Nam	Kinh	P 09	P 07	P 06	
19	120219	LÊ THÀNH	LỢI	12A02	03/02/2008	Nam	Kinh	P 09	P 07	P 06	
20	120220	HOÀNG THÁI	LUÂN	12A02	15/01/2008	Nam	Nùng	P 10	P 07	P 06	
21	120221	HUỶNH THỊ	LÝ	12A02	17/10/2008	Nữ	Kinh	P 10	P 07	P 06	
22	120222	LÊ HOÀNG	MINH	12A02	09/07/2008	Nam	Kinh	P 11	P 08	P 07	
23	120223	LÊ THỊ TRÀ	MY	12A02	19/09/2008	Nữ	Kinh	P 11	P 08	P 07	
24	120224	HUỶNH VĂN LONG	NHẬT	12A02	17/12/2008	Nam	Kinh	P 13	P 09	P 08	
25	120225	HOÀNG THỊ YẾN	NHI	12A02	26/11/2008	Nữ	Kinh	P 13	P 10	P 08	
26	120226	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	12A02	24/05/2008	Nữ	Kinh	P 13	P 10	P 08	
27	120227	GIÁP DUY	THÁI	12A02	09/03/2008	Nam	Kinh	P 16	P 12	P 10	
28	120228	PHẠM XUÂN	THÁI	12A02	29/06/2008	Nam	Kinh	P 16	P 12	P 10	
29	120229	PHAN VĂN	THANH	12A02	27/04/2008	Nam	Kinh	P 16	P 12	P 10	
30	120230	PHAN CHIẾN	THĂNG	12A02	08/06/2008	Nam	Kinh	P 16	P 12	P 10	
31	120231	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	THỨ	12A02	30/06/2008	Nữ	Kinh	P 17	P 13	P 10	
32	120232	NGUYỄN THỊ MAI	TRÚC	12A02	11/08/2008	Nữ	Kinh	P 19	P 14	P 11	
33	120233	HUỶNH ĐỨC	TRUNG	12A02	10/04/2008	Nam	Kinh	P 19	P 14	P 11	
34	120234	TRƯƠNG VĂN	TUẤN	12A02	17/01/2008	Nam	Kinh	P 20	P 14	P 12	
35	120235	NGÔ MỸ	UYÊN	12A02	02/04/2008	Nữ	Kinh	P 20	P 15	P 12	
36	120236	PHAN LÊ	VI	12A02	20/10/2008	Nữ	Kinh	P 21	P 15	P 12	
37	120237	NGUYỄN VĂN QUỐC	VIỆT	12A02	18/08/2008	Nam	Kinh	P 21	P 15	P 12	
38	120238	HOÀNG CHÍ	VỸ	12A02	22/08/2008	Nam	Kinh	P 21	P 15	P 12	

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 12A03

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn			
								Toán, Lí Văn, Sử Anh	Hóa	Sinh	Địa
1	120301	HOÀNG THỊ BẢO	ANH	12A03	28/10/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	
2	120302	LÊ HOÀNG LAN	ANH	12A03	02/05/2008	Nữ	Nùng	P 01	P 01	P 01	
3	120303	NGUYỄN TRẦN NGỌC	ANH	12A03	02/06/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	
4	120304	NGÔ ĐỨC	CẨM	12A03	29/11/2008	Nam	Kinh	P 02	P 02	P 02	
5	120305	ĐOÀN THỊ NGỌC	DIỄM	12A03	12/06/2008	Nữ	Kinh	P 03	P 02	P 02	
6	120306	TRẦN NHƯ TRUNG	DŨNG	12A03	01/08/2008	Nam	Kinh	P 04	P 03	P 02	
7	120307	ĐOÀN ĐAI	DƯƠNG	12A03	02/01/2008	Nam	Kinh	P 04	P 03	P 03	
8	120308	NGUYỄN THỊ QUỲNH	GIANG	12A03	18/01/2008	Nữ	Kinh	P 04	P 03	P 03	
9	120309	LÊ THỊ HỒNG	HẠNH	12A03	20/06/2008	Nữ	Kinh	P 05	P 04	P 03	
10	120310	LÊ TRUNG	HIẾU	12A03	26/10/2008	Nam	Kinh	P 06	P 04	P 04	
11	120311	LÊ THỊ KHÁNH	HÒA	12A03	22/06/2008	Nữ	Kinh	P 06	P 05	P 04	
12	120312	HÀ NHẬT	LÊ	12A03	30/04/2008	Nữ	Thái	P 08	P 06	P 05	
13	120313	NGUYỄN DIỆU	LINH	12A03	17/08/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 06	P 05	
14	120314	ĐẶNG HẢI	LONG	12A03	04/05/2008	Nam	Kinh	P 09	P 07	P 06	
15	120315	NGUYỄN DOÃN THÀNH	LONG	12A03	05/10/2008	Nam	Kinh	P 09	P 07	P 06	
16	120316	NGUYỄN HÀ	LY	12A03	13/06/2008	Nữ	Kinh	P 10	P 07	P 06	
17	120317	TRẦN CẨM	LY	12A03	09/03/2008	Nữ	Kinh	P 10	P 07	P 06	
18	120318	LÊ THỊ NGỌC	MAI	12A03	04/01/2008	Nữ	Kinh	P 10	P 07	P 06	
19	120319	LÊ THỂ	MINH	12A03	20/07/2008	Nam	Kinh	P 11	P 08	P 07	
20	120320	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	12A03	05/03/2008	Nữ	Kinh	P 12	P 09	P 07	
21	120321	PHAN VĂN	NHẬT	12A03	16/01/2008	Nam	Kinh	P 13	P 09	P 08	
22	120322	HOÀNG LONG	NHẬT	12A03	19/04/2008	Nam	Kinh	P 13	P 09	P 08	
23	120323	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHI	12A03	11/06/2008	Nữ	Kinh	P 13	P 10	P 08	
24	120324	HOÀNG THỊ TUYẾT	NHUNG	12A03	17/09/2008	Nữ	Nùng	P 14	P 10	P 09	
25	120325	NGUYỄN THỊ DIỄM	NHƯ	12A03	12/07/2008	Nữ	Kinh	P 14	P 10	P 08	
26	120326	ĐỖ THỊ KIM	OANH	12A03	15/10/2008	Nữ	Kinh	P 14	P 10	P 09	
27	120327	Nguyễn Thanh	Quyết	12A03	04/07/2007	Nam	Tày	P 15	P 11	P 09	
28	120328	HỒ THỊ THANH	SƯƠNG	12A03	16/04/2008	Nữ	Kinh	P 16	P 11	P 09	
29	120329	LÊ MINH	THÁI	12A03	16/05/2008	Nữ	Kinh	P 16	P 12	P 10	
30	120330	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	12A03	06/09/2008	Nữ	Kinh	P 17	P 12	P 10	
31	120331	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	12A03	23/04/2008	Nữ	Kinh	P 17	P 12	P 10	
32	120332	HỒ KIM	THIỆN	12A03	07/09/2008	Nam	Kinh	P 17	P 12	P 10	
33	120333	NGÔ VĂN	THIỆN	12A03	28/02/2008	Nam	Kinh	P 17	P 12	P 10	
34	120334	BÙI THỊ PHƯƠNG	TRINH	12A03	12/04/2008	Nữ	Kinh	P 19	P 14	P 11	
35	120335	NGUYỄN QUANG	TRƯỜNG	12A03	08/11/2008	Nam	Kinh	P 19	P 14	P 12	
36	120336	VÕ THỊ BÍCH	TUYỀN	12A03	22/03/2008	Nữ	Kinh	P 20	P 15	P 12	
37	120337	TRẦN TUẤN	VŨ	12A03	18/07/2008	Nam	Kinh	P 21	P 15	P 12	
38	120338	VĂN TUẤN	VŨ	12A03	27/09/2008	Nam	Kinh	P 21	P 15	P 12	

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 12A04

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn			
								Toán, Lí Văn, Sử Anh	Hóa	Sinh	Địa
1	120401	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	12A04	02/06/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	
2	120402	HOÀNG THỊ	BÌNH	12A04	30/04/2008	Nữ	Kinh	P 02	P 02	P 02	
3	120403	NGUYỄN SƠN	CHÍ	12A04	24/05/2008	Nam	Kinh	P 03	P 02	P 02	
4	120404	ĐOÀN THỊ	DIỄM	12A04	13/11/2008	Nữ	Kinh	P 03	P 02	P 02	
5	120405	HOÀNG THÙY	DUNG	12A04	10/06/2008	Nữ	Kinh	P 04	P 03	P 02	
6	120406	VÕ THỊ MỸ	DUYÊN	12A04	06/01/2008	Nữ	Kinh	P 04	P 03	P 03	
7	120407	TRẦN LÊ HƯƠNG	GIANG	12A04	27/07/2008	Nữ	Kinh	P 04	P 03	P 03	
8	120408	ĐÀO THỊ NGỌC	HÀ	12A04	15/06/2008	Nữ	Kinh	P 05	P 04	P 03	
9	120409	ĐOÀN TẤN	HẢI	12A04	03/10/2008	Nam	Kinh	P 05	P 04	P 03	
10	120410	NGUYỄN VĂN	HẬU	12A04	22/01/2008	Nam	Kinh	P 05	P 04	P 03	
11	120411	LÊ THU	HIỀN	12A04	11/05/2008	Nữ	Kinh	P 05	P 04	P 03	
12	120412	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	12A04	01/12/2008	Nữ	Kinh	P 05	P 04	P 04	
13	120413	NGUYỄN PHẠM THANH	HOÀNG	12A04	10/12/2008	Nam	Kinh	P 06	P 05	P 04	
14	120414	NGUYỄN PHI	HOÀNG	12A04	04/04/2008	Nam	Kinh	P 06	P 05	P 04	
15	120415	TỔNG THỊ THU	HỒNG	12A04	20/10/2008	Nữ	Kinh	P 07	P 05	P 04	
16	120416	PHÙNG DUY	HUÂN	12A04	23/07/2008	Nam	Nùng	P 07	P 05	P 04	
17	120417	HOÀNG ĐỨC	HUY	12A04	21/06/2008	Nam	Tày	P 07	P 05	P 05	
18	120418	PHAN VĂN	HUY	12A04	25/01/2008	Nam	Kinh	P 07	P 05	P 05	
19	120419	NGUYỄN ĐÌNH	HÙNG	12A04	22/05/2008	Nam	Kinh	P 07	P 05	P 04	
20	120420	NGUYỄN GIA	HÙNG	12A04	22/04/2008	Nam	Kinh	P 07	P 05	P 04	
21	120421	NGUYỄN SỸ ANH	KHÔI	12A04	05/07/2008	Nam	Kinh	P 08	P 06	P 05	
22	120422	PHẠM ĐÌNH	KIÊN	12A04	21/10/2008	Nam	Kinh	P 08	P 06	P 05	
23	120423	ĐOÀN THỊ KIỀU	MI	12A04	27/04/2008	Nữ	Kinh	P 10	P 08	P 06	
24	120424	NGUYỄN TRÀ	MỸ	12A04	31/12/2008	Nữ	Kinh	P 11	P 08	P 07	
25	120425	VƯƠNG ĐÌNH	NHÂN	12A04	24/12/2008	Nam	Kinh	P 13	P 09	P 08	
26	120426	LÊ TRỌNG	NHẬT	12A04	09/07/2008	Nam	Kinh	P 13	P 10	P 08	
27	120427	NGUYỄN QUỲNH	NHI	12A04	27/03/2008	Nữ	Kinh	P 13	P 10	P 08	
28	120428	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	12A04	12/10/2008	Nữ	Kinh	P 13	P 10	P 08	
29	120429	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	12A04	27/07/2008	Nữ	Kinh	P 14	P 11	P 09	
30	120430	NGUYỄN MINH	QUANG	12A04	01/01/2008	Nam	Kinh	P 15	P 11	P 09	
31	120431	HÀ THỊ THANH	TÂM	12A04	25/02/2008	Nữ	Kinh	P 16	P 12	P 10	
32	120432	NGUYỄN VĂN	THÀNH	12A04	27/11/2008	Nam	Kinh	P 16	P 12	P 10	
33	120433	PHAN XUÂN	THÀNH	12A04	19/07/2008	Nam	Kinh	P 17	P 12	P 10	
34	120434	DƯƠNG THIÊN	THUẬN	12A04	24/06/2008	Nữ	Kinh	P 18	P 13	P 11	
35	120435	NGUYỄN PHƯƠNG	THÚY	12A04	28/03/2008	Nữ	Kinh	P 18	P 13	P 11	
36	120436	LÊ DOÃN	TIẾN	12A04	27/10/2008	Nam	Kinh	P 18	P 13	P 11	
37	120437	VÕ ĐỨC	TOÀN	12A04	06/05/2008	Nam	Kinh	P 18	P 13	P 11	
38	120438	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	12A04	20/04/2008	Nữ	Kinh	P 18	P 13	P 11	
39	120439	NGUYỄN THÙY	TRÂM	12A04	30/08/2008	Nữ	Kinh	P 18	P 13	P 11	
40	120440	HOÀNG THANH MINH	TRÍ	12A04	10/02/2008	Nam	Kinh	P 19	P 14	P 11	
41	120441	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	12A04	11/01/2008	Nữ	Kinh	P 19	P 14	P 11	
42	120442	NGUYỄN HỒ NHƯ	Ý	12A04	01/09/2008	Nữ	Kinh	P 21	P 15	P 12	
43	120443	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	12A04	13/09/2008	Nữ	Kinh	P 21	P 15	P 12	

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 12A05

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn			
								Toán, Lí Văn, Sử Anh	Hóa	Sinh	Địa
1	120501	PHẠM TUẤN	ANH	12A05	14/01/2008	Nam	Kinh	P 01	P 01	P 01	
2	120502	DƯƠNG THỊ KIM	ÁNH	12A05	15/08/2008	Nữ	Kinh	P 02	P 01	P 01	
3	120503	DƯƠNG THỊ NGỌC	ÁNH	12A05	08/08/2008	Nữ	Kinh	P 02	P 02	P 01	
4	120504	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	12A05	09/10/2008	Nữ	Kinh	P 02	P 02	P 01	
5	120505	PHAN THỊ HỒNG	ÂN	12A05	02/08/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	
6	120506	NGUYỄN THỊ ÁI	DIỆU	12A05	02/08/2008	Nữ	Kinh	P 03	P 02	P 02	
7	120507	NGUYỄN HOÀNG	DƯƠNG	12A05	14/08/2008	Nam	Kinh	P 04	P 03	P 03	
8	120508	NGUYỄN MINH	ĐỨC	12A05	11/07/2008	Nam	Kinh	P 03	P 03	P 02	
9	120509	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	GIANG	12A05	21/07/2008	Nam	Kinh	P 04	P 03	P 03	
10	120510	NGUYỄN THẾ	GIÀU	12A05	09/11/2008	Nam	Kinh	P 05	P 03	P 03	
11	120511	TRẦN THỊ THIÊN	HẠNH	12A05	20/06/2008	Nữ	Kinh	P 05	P 04	P 03	
12	120512	PHẠM THỊ	HIỀN	12A05	13/02/2008	Nữ	Kinh	P 05	P 04	P 04	
13	120513	HOÀNG PHI	HÙNG	12A05	07/08/2008	Nam	Kinh	P 07	P 05	P 04	
14	120514	LÊ QUANG	HUY	12A05	18/01/2008	Nam	Kinh	P 07	P 05	P 05	
15	120515	LÊ PHẠM KHÁNH	HUYỀN	12A05	05/01/2008	Nữ	Kinh	P 07	P 05	P 05	
16	120516	NGUYỄN PHẠM ĐỨC	KHÁNH	12A05	02/09/2008	Nam	Kinh	P 08	P 06	P 05	
17	120517	VÕ ANH	KIỆT	12A05	07/02/2008	Nam	Kinh	P 08	P 06	P 05	
18	120518	CHÂU TRẦN NGỌC	LINH	12A05	09/10/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 06	P 05	
19	120519	MAI THỊ NGỌC	LINH	12A05	24/01/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 06	P 06	
20	120520	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	12A05	17/01/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 06	P 06	
21	120521	PHÙNG VIỆT HÀ	LINH	12A05	16/05/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 06	P 06	
22	120522	TRỊNH HÀ	LINH	12A05	24/05/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 06	P 06	
23	120523	NGUYỄN PHI	LONG	12A05	13/08/2008	Nam	Kinh	P 10	P 07	P 06	
24	120524	NGUYỄN PHƯỚC	LỘC	12A05	27/07/2008	Nam	Kinh	P 09	P 07	P 06	
25	120525	LÊ DUY	MẠNH	12A05	21/10/2008	Nam	Kinh	P 10	P 08	P 06	
26	120526	NGUYỄN THỊ TRÀ	MỸ	12A05	09/10/2008	Nữ	Kinh	P 11	P 08	P 07	
27	120527	HÀ NGUYỄN BẢO	NGỌC	12A05	09/12/2008	Nữ	Kinh	P 12	P 09	P 07	
28	120528	CHU AN	NGUYỄN	12A05	29/12/2008	Nam	Kinh	P 12	P 09	P 08	
29	120529	HOÀNG THỊ YẾN	NHI	12A05	25/12/2008	Nữ	Nùng	P 13	P 10	P 08	
30	120530	NGUYỄN THỊ BẢO	NHI	12A05	27/10/2008	Nữ	Kinh	P 13	P 10	P 08	
31	120531	TRƯƠNG THỊ YẾN	NHI	12A05	08/07/2008	Nữ	Kinh	P 13	P 10	P 08	
32	120532	ĐÀO XUÂN	QUYỀN	12A05	15/04/2008	Nam	Kinh	P 15	P 11	P 09	
33	120533	NGUYỄN VĂN	TÂN	12A05	19/11/2008	Nam	Kinh	P 16	P 12	P 10	
34	120534	LÊU THỊ MINH	THẢO	12A05	15/02/2008	Nữ	Kinh	P 17	P 12	P 10	
35	120535	SÂM THU	THẢO	12A05	05/03/2008	Nữ	Tày	P 17	P 12	P 10	
36	120536	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	12A05	06/02/2008	Nữ	Kinh	P 17	P 13	P 11	
37	120537	HOÀNG THỊ THÙY	TRANG	12A05	20/04/2008	Nữ	Kinh	P 18	P 14	P 11	
38	120538	NÔNG XUÂN	TRƯỜNG	12A05	26/12/2008	Nam	Tày	P 19	P 14	P 12	
39	120539	CAO HOÀNG QUÂN	TƯỜNG	12A05	31/10/2008	Nữ	Kinh	P 20	P 15	P 12	

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 12A06

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn			
							Toán, Lí Văn, Sử Anh	Hóa	Sinh	Địa
1	120601	TRẦN ĐỨC ANH	12A06	03/02/2008	Nam	Kinh	P 01	P 01	P 01	
2	120602	TRẦN NGUYỄN HÀ ANH	12A06	05/07/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	
3	120603	TRẦN QUỐC TUẤN ANH	12A06	18/10/2008	Nam	Kinh	P 01	P 01	P 01	
4	120604	NGUYỄN THỊ THI ANH	12A06	17/04/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	
5	120605	ĐOÀN CÔNG BẰNG	12A06	22/05/2008	Nam	Kinh	P 02	P 02	P 01	
6	120606	NGUYỄN THU CÔNG	12A06	05/10/2008	Nam	Kinh	P 03	P 02	P 02	
7	120607	ĐOÀN THỊ THANH DUNG	12A06	10/12/2008	Nữ	Kinh	P 04	P 03	P 02	
8	120608	ĐỖ VĂN DŨNG	12A06	10/06/2008	Nam	Kinh	P 04	P 03	P 02	
9	120609	NGUYỄN VĂN DŨNG	12A06	11/05/2008	Nam	Kinh	P 04	P 03	P 03	
10	120610	PHAN THỊ MỸ DUYÊN	12A06	20/05/2008	Nữ	Kinh	P 04	P 03	P 03	
11	120611	PHAN VĂN THÀNH ĐẠT	12A06	02/06/2008	Nam	Kinh	P 03	P 02	P 02	
12	120612	NÔNG THỊ HOÀNG HÀ	12A06	28/07/2008	Nữ	Nùng	P 05	P 04	P 03	
13	120613	HOÀNG ĐỨC HỒNG	12A06	05/02/2008	Nam	Tày	P 07	P 05	P 04	
14	120614	HOÀNG HUY	12A06	05/01/2008	Nam	Tày	P 07	P 05	P 05	
15	120615	NGUYỄN ĐOÀN KHIÊM	12A06	20/09/2008	Nam	Kinh	P 08	P 06	P 05	
16	120616	LÊ NHẬT KHUÊ	12A06	31/10/2008	Nữ	Kinh	P 08	P 06	P 05	
17	120617	NGUYỄN DUY MẠNH	12A06	18/02/2008	Nam	Kinh	P 10	P 08	P 06	
18	120618	ĐOÀN NGUYỄN THANH MINH	12A06	14/05/2008	Nam	Kinh	P 11	P 08	P 07	
19	120619	LƯƠNG VĂN MINH	12A06	16/11/2008	Nam	Kinh	P 11	P 08	P 07	
20	120620	CAO NGỌC TRÀ MY	12A06	09/08/2008	Nữ	Kinh	P 11	P 08	P 07	
21	120621	NGUYỄN HOÀNG HẢI NAM	12A06	31/10/2008	Nam	Kinh	P 11	P 08	P 07	
22	120622	NGUYỄN VĂN NAM	12A06	12/03/2008	Nam	Kinh	P 11	P 09	P 07	
23	120623	TRẦN THỊ MỸ NGÂN	12A06	16/02/2008	Nữ	Kinh	P 12	P 09	P 07	
24	120624	TẠ THỊ HỒNG NGỌC	12A06	09/03/2008	Nữ	Kinh	P 12	P 09	P 07	
25	120625	LÊ TRẦN LÂM NHI	12A06	27/03/2008	Nữ	Kinh	P 13	P 10	P 08	
26	120626	Lê Thị Diễm Như	12A06	16/09/2008	Nữ	Kinh	P 14	P 10	P 09	
27	120627	LƯƠNG THỊ QUỲNH NHƯ	12A06	17/03/2008	Nữ	Kinh	P 14	P 10	P 09	
28	120628	PHẠM NHƯ QUỲNH	12A06	22/02/2008	Nữ	Kinh	P 15	P 11	P 09	
29	120629	TRẦN CÔNG SƠN	12A06	31/07/2008	Nam	Kinh	P 16	P 11	P 09	
30	120630	VŨ THỊ THANH TÂM	12A06	12/04/2008	Nữ	Kinh	P 16	P 12	P 10	
31	120631	NGUYỄN MINH TRỌNG TẤN	12A06	19/05/2008	Nam	Kinh	P 16	P 12	P 10	
32	120632	NGUYỄN THỊ THU THỦY	12A06	16/04/2008	Nữ	Kinh	P 18	P 13	P 11	
33	120633	NÔNG THỊ THU TRANG	12A06	30/07/2008	Nữ	Tày	P 19	P 14	P 11	
34	120634	HOÀNG THỊ BẢO TRÂM	12A06	06/11/2008	Nữ	Kinh	P 18	P 13	P 11	
35	120635	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	12A06	15/05/2008	Nữ	Kinh	P 20	P 15	P 12	
36	120636	NÔNG THỊ THẢO UYÊN	12A06	18/04/2008	Nữ	Nùng	P 20	P 15	P 12	
37	120637	TRẦN NGUYỄN TƯỜNG VĂN	12A06	07/12/2008	Nữ	Kinh	P 20	P 15	P 12	
38	120638	NGUYỄN LƯƠNG TUẤN VŨ	12A06	27/06/2008	Nam	Kinh	P 21	P 15	P 12	
39	120639	NGUYỄN HẢI YẾN	12A06	11/04/2008	Nữ	Kinh	P 21	P 15	P 12	

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 12A07

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn			
								Toán, Lí Văn, Sử Anh	Hóa	Sinh	Địa
1	120701	LÊ BÁ TRƯỜNG	AN	12A07	07/10/2008	Nam	Kinh	P 01	P 01	P 01	
2	120702	NGUYỄN KIỀU	AN	12A07	21/04/2008	Nam	Kinh	P 01	P 01	P 01	
3	120703	DƯƠNG THỊ VÂN	ANH	12A07	05/10/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	
4	120704	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	12A07	20/10/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 01	P 01	
5	120705	LÊ THỊ THÙY	DUNG	12A07	23/06/2008	Nữ	Kinh	P 04	P 03	P 02	
6	120706	BÙI THANH	DŨNG	12A07	12/12/2008	Nam	Kinh	P 04	P 03	P 03	
7	120707	NGUYỄN THỊ BẢO	DƯƠNG	12A07	20/03/2008	Nữ	Mường	P 04	P 03	P 03	
8	120708	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	12A07	15/08/2008	Nam	Kinh	P 03	P 03	P 02	
9	120709	PHAN MINH	ĐỨC	12A07	14/06/2008	Nam	Kinh	P 03	P 03	P 02	
10	120710	TRỊNH THỊ HỒNG	HẠNH	12A07	16/06/2008	Nữ	Kinh	P 05	P 04	P 03	
11	120711	NGUYỄN THỊ	HIỀN	12A07	08/09/2007	Nữ	Kinh	P 06	P 04	P 04	
12	120712	NGUYỄN VĂN ĐỨC	HÒA	12A07	13/08/2008	Nam	Kinh	P 06	P 05	P 04	
13	120713	ĐÀO THỊ	HỒNG	12A07	03/08/2008	Nữ	Kinh	P 07	P 05	P 04	
14	120714	NGUYỄN VŨ TRUNG	KIÊN	12A07	05/11/2008	Nam	Kinh	P 08	P 06	P 05	
15	120715	HOÀNG VĂN BẢO	KIỆT	12A07	03/09/2008	Nam	Tày	P 08	P 06	P 05	
16	120716	ĐẶNG BẢO	LONG	12A07	12/02/2008	Nam	Kinh	P 10	P 07	P 06	
17	120717	LỘC THANH	LONG	12A07	01/02/2008	Nam	Tày	P 10	P 07	P 06	
18	120718	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	12A07	12/03/2008	Nữ	Tày	P 10	P 07	P 06	
19	120719	LÊ TUẤN	MINH	12A07	10/06/2008	Nam	Kinh	P 11	P 08	P 07	
20	120720	HOÀNG THỊ THÙY	MY	12A07	23/03/2008	Nữ	Kinh	P 11	P 08	P 07	
21	120721	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	12A07	28/03/2008	Nữ	Kinh	P 12	P 09	P 08	
22	120722	LÊ KHẮC HÒA	NGUYỄN	12A07	03/11/2008	Nam	Kinh	P 12	P 09	P 08	
23	120723	NGUYỄN BÁ	NGUYỄN	12A07	11/06/2008	Nam	Kinh	P 12	P 09	P 08	
24	120724	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	NGUYỄN	12A07	28/11/2008	Nam	Kinh	P 12	P 09	P 08	
25	120725	ĐÀM THỊ TUYẾT	NHI	12A07	20/03/2008	Nữ	Nùng	P 13	P 10	P 08	
26	120726	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	12A07	28/02/2008	Nữ	Kinh	P 13	P 10	P 08	
27	120727	NGUYỄN THỊ THU	NHUNG	12A07	15/04/2008	Nữ	Kinh	P 14	P 10	P 09	
28	120728	HỒ	NHƯỢNG	12A07	24/02/2008	Nam	Kinh	P 14	P 10	P 09	
29	120729	HOÀNG THÀNH	PHÚ	12A07	25/01/2008	Nam	Kinh	P 14	P 11	P 09	
30	120730	NGUYỄN TRẦN ĐẠI	PHƯỚC	12A07	01/08/2008	Nam	Kinh	P 15	P 11	P 09	
31	120731	NGUYỄN TRẦN LAN	PHƯƠNG	12A07	02/12/2008	Nữ	Kinh	P 15	P 11	P 09	
32	120732	HOÀNG VĂN	QUANG	12A07	15/10/2008	Nam	Kinh	P 15	P 11	P 09	
33	120733	HOÀNG LONG	QUÂN	12A07	06/08/2008	Nam	Kinh	P 15	P 11	P 09	
34	120734	DƯƠNG ĐỖ	QUYÊN	12A07	11/05/2005	Nữ	Kinh	P 15	P 11	P 09	
35	120735	NGUYỄN NGỌC	SƠN	12A07	26/11/2008	Nam	Kinh	P 16	P 11	P 09	
36	120736	DƯƠNG	THẮNG	12A07	02/01/2008	Nam	Kinh	P 16	P 12	P 10	
37	120737	LÊ THỊ HOÀI	THƯƠNG	12A07	03/04/2008	Nữ	Kinh	P 18	P 13	P 11	
38	120738	NGUYỄN MAI	TRANG	12A07	21/03/2008	Nữ	Kinh	P 19	P 14	P 11	
39	120739	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	12A07	19/04/2008	Nữ	Kinh	P 19	P 14	P 11	
40	120740	MAI HỮU	TRỌNG	12A07	29/07/2008	Nam	Kinh	P 19	P 14	P 11	
41	120741	NGUYỄN THANH	TUẤN	12A07	14/06/2008	Nam	Kinh	P 20	P 14	P 12	
42	120742	PHAN THỊ TÚ	UYÊN	12A07	13/02/2008	Nữ	Kinh	P 20	P 15	P 12	

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 12A08

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn			
							Toán, Lí Văn, Sử Anh	Hóa	Sinh	Địa
1	120801	NGUYỄN THỊ AN	12A08	10/02/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 01		
2	120802	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	12A08	12/10/2008	Nữ	Kinh	P 01	P 01		
3	120803	DƯƠNG THÙY CHÂU	12A08	13/12/2008	Nữ	Kinh	P 02	P 02		
4	120804	NGUYỄN THỊ DIỆU CHÂU	12A08	22/07/2008	Nữ	Tày	P 02	P 02		
5	120805	MA THỊ HẠNH	12A08	11/09/2008	Nữ	Tày	P 05	P 04		
6	120806	LÊ THỊ THANH HẰNG	12A08	10/12/2008	Nữ	Kinh	P 05	P 04		
7	120807	VŨ BÁ HIẾU	12A08	27/02/2008	Nam	Kinh	P 06	P 04		
8	120808	H JERRY BKRÔNG NIÊ	12A08	13/10/2008	Nữ	Ê Đê	P 14	P 10		
9	120809	TRẦN THỊ THẢO LIÊN	12A08	13/10/2008	Nữ	Kinh	P 08	P 06		
10	120810	NGÔ THỊ HỒNG LINH	12A08	07/07/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 07		
11	120811	TRẦN KHÁNH LINH	12A08	04/01/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 07		
12	120812	NGUYỄN THỊ MỸ LOAN	12A08	30/09/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 07		
13	120813	HOÀNG TRỌNG LỰC	12A08	10/05/2008	Nam	Tày	P 10	P 07		
14	120814	ĐẶNG THỊ CẨM LY	12A08	13/10/2008	Nữ	Kinh	P 10	P 07		
15	120815	NGUYỄN THÚY MAI	12A08	27/07/2008	Nữ	Kinh	P 10	P 07		
16	120816	DƯƠNG PHAN KHÁNH MINH	12A08	13/10/2008	Nữ	Kinh	P 11	P 08		
17	120817	HOÀNG THỊ HÀ MY	12A08	08/01/2008	Nữ	Kinh	P 11	P 08		
18	120818	NGÔ THỊ TRÀ MY	12A08	02/01/2008	Nữ	Kinh	P 11	P 08		
19	120819	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	12A08	26/07/2008	Nữ	Kinh	P 11	P 08		
20	120820	PHAN THỊ KIM NGÂN	12A08	05/10/2008	Nữ	Kinh	P 12	P 09		
21	120821	NGUYỄN BẢO NGỌC	12A08	13/09/2008	Nữ	Kinh	P 12	P 09		
22	120822	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	12A08	25/12/2008	Nữ	Kinh	P 12	P 09		
23	120823	DƯƠNG ÁNH NGUYỆT	12A08	07/04/2008	Nữ	Kinh	P 13	P 09		
24	120824	BÙI QUỲNH NHƯ	12A08	26/09/2008	Nữ	Kinh	P 14	P 10		
25	120825	PHAN QUỲNH TỔ NHƯ	12A08	25/12/2008	Nữ	Kinh	P 14	P 10		
26	120826	ĐÀM THỊ MỸ PHƯƠNG	12A08	05/11/2008	Nữ	Tày	P 15	P 11		
27	120827	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	12A08	26/05/2008	Nữ	Kinh	P 15	P 11		
28	120828	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	12A08	14/01/2008	Nữ	Kinh	P 17	P 12		
29	120829	TẶNG THỊ HƯƠNG THẢO	12A08	17/09/2008	Nữ	Kinh	P 17	P 12		
30	120830	HOÀNG THỊ THẨM	12A08	27/03/2008	Nữ	Tày	P 16	P 12		
31	120831	LÊ NGUYỄN THỊ THÙY	12A08	21/07/2008	Nữ	Kinh	P 18	P 13		
32	120832	DOÃN THỊ ANH THƯ	12A08	17/09/2008	Nữ	Kinh	P 17	P 13		
33	120833	NGUYỄN PHAN ANH THƯ	12A08	30/09/2008	Nữ	Kinh	P 17	P 13		
34	120834	NGUYỄN HOÀNG THU TRANG	12A08	15/11/2008	Nữ	Tày	P 19	P 14		
35	120835	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	12A08	01/11/2008	Nữ	Kinh	P 19	P 14		
36	120836	PHẠM THÙY TRANG	12A08	12/11/2008	Nữ	Kinh	P 19	P 14		
37	120837	HỒ THỊ BÍCH TRÂM	12A08	15/06/2008	Nữ	Kinh	P 18	P 13		
38	120838	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	12A08	16/04/2008	Nữ	Kinh	P 20	P 15		
39	120839	PHẠM THỊ THANH VÂN	12A08	03/11/2008	Nữ	Tày	P 20	P 15		
40	120840	LÊ THỊ YẾN VY	12A08	05/04/2008	Nữ	Kinh	P 21	P 15		
41	120841	NGUYỄN HẢI YẾN	12A08	17/10/2008	Nữ	Kinh	P 21	P 15		

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 12A09

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn				
								Toán, Lí Văn, Sử Anh	Hóa	Sinh	Địa	
1	120901	BÀNG	THỊ LAN	ANH	12A09	09/03/2008	Nữ	Nùng	P 01	P 01		P 01
2	120902	TRƯỜNG	THỊ NGỌC	ÁNH	12A09	04/10/2008	Nữ	Kinh	P 02	P 02		P 01
3	120903	PHAN	BẢO	CẨM	12A09	15/08/2008	Nam	Kinh	P 02	P 02		P 01
4	120904	PHAN	BẢO	CẨM	12A09	15/08/2008	Nam	Kinh	P 02	P 02		P 01
5	120905	NGUYỄN	THỊ LINH	CHI	12A09	28/08/2007	Nữ	Kinh	P 02	P 02		P 01
6	120906	NGUYỄN	THỊ PHƯƠNG	DUNG	12A09	24/02/2008	Nữ	Kinh	P 04	P 03		P 02
7	120907	PHẠM	THỊ DIỄM	HẰNG	12A09	05/01/2007	Nữ	Kinh	P 05	P 04		P 02
8	120908	NGUYỄN	QUỐC	HIỆP	12A09	11/10/2008	Nam	Kinh	P 06	P 04		P 02
9	120910	HÀ	THỊ MAI	HOA	12A09	02/11/2008	Nữ	Thái	P 06	P 05		P 02
10	120911	TÔ	ĐỨC	HOÀI	12A09	29/01/2008	Nam	Tày	P 06	P 05		P 02
11	120912	VŨ	THỊ	HUỆ	12A09	20/02/2008	Nữ	Kinh	P 07	P 05		P 03
12	120913	NGUYỄN	QUANG	LÂM	12A09	13/10/2008	Nam	Kinh	P 08	P 06		P 03
13	120914	NGUYỄN	THỊ DIỆU	LINH	12A09	11/11/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 07		P 04
14	120915	PHẠM	THỊ THÙY	LINH	12A09	14/10/2008	Nữ	Kinh	P 09	P 07		P 04
15	120916	HOÀNG	NGUYỄN CẨM	LY	12A09	24/07/2008	Nữ	Kinh	P 10	P 07		P 04
16	120917	ĐOÀN	THỊ XUÂN	MAI	12A09	19/01/2008	Nữ	Kinh	P 10	P 08		P 04
17	120918	PHẠM	VŨ TRÀ	MY	12A09	14/08/2008	Nữ	Kinh	P 11	P 08		P 04
18	120919	HỨA	LƯƠNG THU	NGUYỆT	12A09	03/12/2008	Nữ	Tày	P 13	P 09		P 05
19	120920	ĐẶNG	THỊ YẾN	NHI	12A09	06/07/2008	Nữ	Kinh	P 14	P 10		P 05
20	120921	QUÁCH	NGUYỄN HÀ	NHƯ	12A09	08/08/2008	Nữ	Kinh	P 14	P 10		P 05
21	120922	NGUYỄN	TRẦN TRƯỜNG	PHỤNG	12A09	06/08/2008	Nam	Kinh	P 15	P 11		P 06
22	120923	NGUYỄN	CẢNH	QUANG	12A09	13/04/2008	Nam	Kinh	P 15	P 11		P 06
23	120924	LÊ	ĐÌNH ĐỨC	QUỲNH	12A09	03/07/2008	Nam	Kinh	P 15	P 11		P 06
24	120925	BÊ	HOÀNG	SƠN	12A09	03/12/2007	Nam	Tày	P 16	P 11		P 06
25	120926	DƯƠNG	VI KHẮC	TÂN	12A09	25/12/2007	Nam	Tày	P 16	P 12		P 06
26	120927	ĐẶNG	THỊ THU	THẢO	12A09	03/10/2008	Nữ	Kinh	P 17	P 12		P 06
27	120928	NGUYỄN	DUY	THIỆN	12A09	02/10/2008	Nam	Kinh	P 17	P 13		P 06
28	120929	LÊ	THỊ THANH	THÚY	12A09	01/06/2008	Nữ	Kinh	P 18	P 13		P 07
29	120930	NGÔ	PHAN ANH	THỨ	12A09	01/10/2008	Nữ	Kinh	P 17	P 13		P 07
30	120931	TRẦN	ĐẶNG QUỲNH	THỨ	12A09	07/07/2008	Nữ	Kinh	P 17	P 13		P 07
31	120932	HUYỀN	THỊ HUYỀN	TRANG	12A09	13/03/2008	Nữ	Kinh	P 19	P 14		P 07
32	120933	NGUYỄN	THỊ HUYỀN	TRANG	12A09	09/07/2008	Nữ	Kinh	P 19	P 14		P 07
33	120934	VƯƠNG	THỊ THÙY	TRÂM	12A09	29/06/2008	Nữ	Kinh	P 18	P 13		P 07
34	120935	HỒNG	THỊ NGỌC	TRÂN	12A09	30/09/2008	Nữ	Hoa	P 18	P 13		P 07
35	120936	NGUYỄN	THỊ TUYẾT	TRINH	12A09	05/02/2008	Nữ	Kinh	P 19	P 14		P 07
36	120937	NGUYỄN	VỠ THÙY	TRINH	12A09	02/09/2008	Nữ	Kinh	P 19	P 14		P 07
37	120938	NGÔ	QUANG	TRƯỜNG	12A09	27/12/2008	Nam	Kinh	P 19	P 14		P 07
38	120939	HOÀNG	PHI	YẾN	12A09	20/02/2008	Nữ	Tày	P 21	P 15		P 08

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 12A10

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn			
								Toán, Lí Văn, Sử Anh	Hóa	Sinh	Địa
1	121001	PHAN TRẦN THU	CỨC	12A10	09/09/2008	Nữ	Kinh	P 03			P 01
2	121002	HOÀNG NA	DONG	12A10	25/10/2008	Nữ	Nùng	P 03			P 02
3	121003	BÙI ĐỨC	DUY	12A10	14/11/2008	Nam	Mường	P 04			P 02
4	121004	CHU THỊ MỸ	DUYÊN	12A10	19/04/2008	Nữ	Tày	P 04			P 02
5	121005	LÊ THỊ CẨM	HÀ	12A10	06/10/2008	Nữ	Kinh	P 05			P 02
6	121006	HUỶNH GIA	HÂN	12A10	22/05/2008	Nữ	Kinh	P 05			P 02
7	121007	NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO	HÂN	12A10	02/01/2008	Nữ	Kinh	P 05			P 02
8	121008	BÙI THỊ THU	HOÀI	12A10	19/02/2008	Nữ	Kinh	P 06			P 03
9	121009	NÔNG VĂN	HOÀN	12A10	09/12/2008	Nam	Tày	P 06			P 03
10	121010	NGUYỄN HUY	HOÀNG	12A10	15/03/2008	Nam	Kinh	P 06			P 03
11	121011	DƯƠNG THỊ THU	HUYỀN	12A10	21/09/2008	Nữ	Kinh	P 07			P 03
12	121012	LÊ HOÀNG ANH	HƯỜNG	12A10	12/02/2008	Nam	Kinh	P 07			P 03
13	121013	PHẠM GIA	KHÔI	12A10	31/08/2008	Nam	Kinh	P 08			P 03
14	121014	DƯƠNG HOÀNG	LINH	12A10	15/08/2008	Nữ	Kinh	P 09			P 04
15	121015	TRẦN NGỌC KHÁNH	LINH	12A10	19/04/2008	Nữ	Kinh	P 09			P 04
16	121016	TRẦN QUỐC	LONG	12A10	30/08/2008	Nam	Kinh	P 10			P 04
17	121017	LÊ DƯƠNG KHÁNH	LY	12A10	16/02/2008	Nữ	Kinh	P 10			P 04
18	121018	NGUYỄN THỊ	LY	12A10	06/04/2008	Nữ	Kinh	P 10			P 04
19	121019	PHAN NGUYỄN HOÀI	MY	12A10	25/04/2008	Nữ	Kinh	P 11			P 04
20	121020	VÕ THẢO	MY	12A10	01/12/2008	Nữ	Kinh	P 11			P 04
21	121021	BÙI ĐẶNG THẢO	NGUYỄN	12A10	20/06/2008	Nữ	Mường	P 12			P 05
22	121022	ĐẶNG THỊ	NGUYỄN	12A10	20/09/2008	Nữ	Kinh	P 13			P 05
23	121023	ĐINH VĂN	NGUYỄN	12A10	11/09/2008	Nam	Kinh	P 13			P 05
24	121024	HỒ THỊ	NGUYỆT	12A10	21/03/2008	Nữ	Kinh	P 13			P 05
25	121025	NGUYỄN GIA	NHẬT	12A10	03/11/2008	Nam	Kinh	P 13			P 05
26	121026	HỒ THỊ PHƯƠNG	NHI	12A10	12/11/2008	Nữ	Kinh	P 14			P 05
27	121027	TRẦN THỊ YẾN	NHI	12A10	11/10/2008	Nữ	Kinh	P 14			P 05
28	121028	HUỶNH QUỲNH	NHƯ	12A10	20/08/2008	Nữ	Kinh	P 14			P 05
29	121029	LÝ THỊ QUỲNH	NHƯ	12A10	10/01/2008	Nữ	Nùng	P 14			P 05
30	121030	VŨ THỊ	NHƯ	12A10	24/04/2008	Nữ	Kinh	P 14			P 05
31	121031	ĐẶNG THỊ	PHƯỜNG	12A10	18/08/2008	Nữ	Kinh	P 15			P 06
32	121032	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	12A10	09/01/2008	Nữ	Kinh	P 15			P 06
33	121033	PHẠM NGUYỄN TẤN	TÀI	12A10	06/07/2008	Nam	Kinh	P 16			P 06
34	121034	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	12A10	11/07/2008	Nữ	Kinh	P 17			P 06
35	121035	VÕ PHƯƠNG	THẢO	12A10	16/05/2008	Nữ	Kinh	P 17			P 06
36	121036	LƯƠNG THỊ KIM	THOẠI	12A10	24/01/2008	Nữ	Tày	P 17			P 07
37	121037	VŨ THỊ	THƯƠNG	12A10	24/10/2008	Nữ	Kinh	P 18			P 07
38	121038	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	12A10	17/02/2008	Nữ	Kinh	P 19			P 07
39	121039	NÔNG BẢO	TRÂM	12A10	09/04/2008	Nữ	Tày	P 18			P 07
40	121040	BÙI THỊ DIỆU	TRÚC	12A10	17/03/2008	Nữ	Kinh	P 19			P 07
41	121041	LƯƠNG ANH	TUẤN	12A10	14/08/2008	Nam	Kinh	P 20			P 08
42	121042	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	12A10	20/02/2008	Nữ	Kinh	P 20			P 08
43	121043	LỘC THỊ	TUYẾT	12A10	12/06/2008	Nữ	Tày	P 20			P 08

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 12A11

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn			
								Toán, Lí Văn, Sử Anh	Hóa	Sinh	Địa
1	121101	HUỖNH THỊ TRÚC	ANH	12A11	17/01/2008	Nữ	Kinh	P 01			P 01
2	121102	PHẠM THỊ	ÁNH	12A11	07/10/2008	Nữ	Thái	P 02			P 01
3	121103	PHAN HÀ	CHÂU	12A11	05/09/2008	Nữ	Kinh	P 02			P 01
4	121104	HUỖNH THỊ KIM	DUNG	12A11	21/09/2008	Nữ	Kinh	P 04			P 02
5	121105	TRỊNH VĂN	DỮNG	12A11	30/04/2008	Nam	Kinh	P 04			P 02
6	121106	BÙI MINH	DỰ	12A11	04/09/2008	Nam	Mường	P 03			P 02
7	121107	HOÀNG VĂN TRỌNG	ĐẠT	12A11	09/08/2008	Nam	Kinh	P 03			P 01
8	121108	PHAN VĂN HOÀNG	HIỆP	12A11	01/08/2008	Nam	Kinh	P 06			P 02
9	121109	TRẦN THỦY	HOÀNG	12A11	26/05/2008	Nam	Kinh	P 06			P 03
10	121110	NGUYỄN VĂN	KHOA	12A11	26/08/2008	Nam	Kinh	P 08			P 03
11	121111	ĐỖ THỊ NGỌC	KHUÊ	12A11	13/08/2008	Nữ	Kinh	P 08			P 03
12	121112	HOÀNG THỊ NGỌC	LAN	12A11	08/05/2008	Nữ	Kinh	P 08			P 03
13	121113	DƯƠNG QUANG	LÂM	12A11	04/07/2008	Nam	Kinh	P 08			P 03
14	121114	TẶNG THỊ NHẬT	LINH	12A11	15/08/2008	Nữ	Kinh	P 09			P 04
15	121115	PHAN HOÀNG THÀNH	LUÂN	12A11	22/08/2008	Nam	Kinh	P 10			P 04
16	121116	CHU THỊ BÌNH	NGUYỄN	12A11	21/08/2008	Nữ	Tày	P 13			P 05
17	121117	PHAN THỊ UYÊN	NHI	12A11	08/03/2008	Nữ	Kinh	P 14			P 05
18	121118	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	12A11	20/05/2008	Nam	Kinh	P 15			P 05
19	121119	PHAN THỊ KỶ	PHƯƠNG	12A11	22/11/2008	Nữ	Kinh	P 15			P 06
20	121120	TRẦN LÊ THỊ	PHƯƠNG	12A11	06/11/2008	Nữ	Kinh	P 15			P 06
21	121121	HOÀNG THỊ NHƯ	QUYÊN	12A11	23/02/2008	Nữ	Kinh	P 15			P 06
22	121122	LẠI VĂN	SANG	12A11	18/10/2008	Nam	Kinh	P 16			P 06
23	121123	LÊ THỬA	TÀI	12A11	29/08/2007	Nam	Kinh	P 16			P 06
24	121124	TRẦN ĐỨC	TÀI	12A11	10/05/2008	Nam	Kinh	P 16			P 06
25	121125	Bé Hoàng Bảo	Thi	12A11	09/02/2008	Nữ	Tày	P 17			P 06
26	121126	VÕ THỊ MINH	THỨ	12A11	29/05/2008	Nữ	Kinh	P 18			P 07
27	121127	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	12A11	11/07/2007	Nữ	Kinh	P 19			P 07
28	121128	ĐẶNG QUỲNH	TRÂM	12A11	09/08/2008	Nữ	Kinh	P 18			P 07
29	121129	PHAN LÊ	TRƯỜNG	12A11	01/10/2008	Nam	Kinh	P 19			P 07
30	121130	PHAN ĐÌNH	TÙNG	12A11	07/05/2008	Nam	Kinh	P 20			P 08
31	121131	LÊ THỊ PHƯƠNG	UYÊN	12A11	30/10/2008	Nữ	Kinh	P 20			P 08
32	121132	NGUYỄN THẢO	UYÊN	12A11	04/05/2008	Nữ	Kinh	P 20			P 08
33	121133	ĐẬU THỊ CẨM	VÂN	12A11	30/01/2008	Nữ	Kinh	P 21			P 08
34	121134	TRẦN ĐỨC	VIỆT	12A11	01/05/2008	Nam	Kinh	P 21			P 08
35	121135	HOÀNG VĂN	VINH	12A11	25/12/2008	Nam	Kinh	P 21			P 08
36	121136	MA THỊ DIỄM	VY	12A11	18/12/2008	Nữ	Tày	P 21			P 08

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 12A12

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn			
								Toán, Lí Văn, Sử Anh	Hóa	Sinh	Địa
1	121201	DUƠNG THỊ QUỲNH	ANH	12A12	29/11/2008	Nữ	Kinh	P 01			P 01
2	121202	ĐẶNG QUỲNH	ANH	12A12	22/04/2008	Nữ	Kinh	P 02			P 01
3	121203	PHẠM HOÀNG GIA	BÁCH	12A12	16/10/2008	Nam	Kinh	P 02			P 01
4	121204	ĐẶNG HOÀI	BẢO	12A12	14/08/2008	Nam	Kinh	P 02			P 01
5	121205	Y BÍCH NIÊ	KDĂM	12A12	02/01/2008	Nam	Ê-đê	P 07			P 03
6	121206	TRƯƠNG THANH	CƯƠNG	12A12	17/10/2008	Nam	Nùng	P 03			P 01
7	121207	TRẦN VĂN	DŨNG	12A12	26/12/2008	Nam	Kinh	P 04			P 02
8	121208	TRẦN THỊ	DUYÊN	12A12	29/08/2007	Nữ	Kinh	P 04			P 02
9	121209	TRẦN CÔNG	HÀ	12A12	31/01/2008	Nam	Kinh	P 05			P 02
10	121210	TRẦN MINH	HOÀNG	12A12	04/07/2008	Nam	Kinh	P 07			P 03
11	121211	TRẦN THỊ	HỒNG	12A12	17/03/2008	Nữ	Kinh	P 07			P 03
12	121212	NÔNG HẢI	HUÂN	12A12	25/02/2008	Nam	Tày	P 07			P 03
13	121213	NGÔ THỊ KHÁNH	HUYỀN	12A12	11/09/2008	Nữ	Kinh	P 07			P 03
14	121214	TRẦN CÔNG	LANH	12A12	18/12/2007	Nam	Kinh	P 08			P 04
15	121215	ĐINH THỊ DIỆU	LINH	12A12	24/10/2008	Nữ	Kinh	P 09			P 04
16	121216	DƯ HOÀNG	NAM	12A12	12/04/2008	Nam	Kinh	P 11			P 04
17	121217	NGUYỄN VĂN	NAM	12A12	15/01/2008	Nam	Kinh	P 12			P 04
18	121218	LÊ VĂN	NGHĨA	12A12	07/04/2008	Nam	Kinh	P 12			P 04
19	121219	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	12A12	18/06/2008	Nữ	Kinh	P 12			P 05
20	121220	TRẦN LÊ BẢO	NGỌC	12A12	25/11/2008	Nữ	Kinh	P 12			P 05
21	121221	HOÀNG THỊ MINH	NGUYỆT	12A12	07/07/2008	Nữ	Tày	P 13			P 05
22	121222	BÀNG THỊ NGỌC	NHUNG	12A12	20/07/2008	Nữ	Nùng	P 14			P 05
23	121223	TRẦN THỊ TUYẾT	NHUNG	12A12	28/11/2008	Nữ	Kinh	P 14			P 05
24	121224	HOÀNG MINH	PHÚC	12A12	20/12/2008	Nam	Nùng	P 15			P 05
25	121225	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	12A12	15/04/2008	Nữ	Kinh	P 15			P 06
26	121226	VÕ THỊ PHƯƠNG	THẢO	12A12	06/08/2008	Nữ	Kinh	P 17			P 06
27	121227	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	12A12	30/07/2008	Nữ	Kinh	P 18			P 07
28	121228	NÔNG THỊ HUYỀN	TRUNG	12A12	18/03/2008	Nữ	Tày	P 19			P 07
29	121229	HOÀNG THỊ CẨM	TÚ	12A12	16/04/2008	Nữ	Kinh	P 20			P 07
30	121230	PHẠM TIẾN	TƯỜNG	12A12	02/05/2005	Nam	Kinh	P 20			P 08
31	121231	NGUYỄN VIỆT	UY	12A12	06/09/2008	Nam	Kinh	P 20			P 08
32	121232	MA THỊ HỒNG	VĂN	12A12	10/08/2007	Nữ	Tày	P 21			P 08
33	121233	MA QUANG	VĨ	12A12	12/10/2008	Nam	Tày	P 21			P 08

DANH SÁCH PHÒNG THI LỚP 12A13

STT	SBD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi theo môn			
								Toán, Lí Văn, Sử Anh	Hóa	Sinh	Địa
1	121301	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	12A13	24/02/2008	Nữ	Tày	P 02			P 01
2	121302	PHẠM ĐỨC	CẢNH	12A13	12/02/2008	Nam	Kinh	P 02			P 01
3	121303	NÔNG THỊ	CHÂM	12A13	28/03/2008	Nữ	Tày	P 02			P 01
4	121304	PHẠM THỊ KIỀU	CHINH	12A13	05/05/2008	Nữ	Kinh	P 03			P 01
5	121305	HÀ QUỐC	CÔNG	12A13	22/11/2008	Nam	Thái	P 03			P 01
6	121306	PHẠM VĂN	CÔNG	12A13	12/03/2007	Nam	Kinh	P 03			P 01
7	121307	NGUYỄN QUANG	CƯỜNG	12A13	21/11/2007	Nam	Kinh	P 03			P 01
8	121308	NGUYỄN THÁI LÊ	DƯƠNG	12A13	11/10/2008	Nam	Kinh	P 04			P 02
9	121309	HOÀNG VĂN	ĐẠI	12A13	26/04/2008	Nam	Kinh	P 03			P 01
10	121310	HỒ VĂN	HÀ	12A13	04/12/2008	Nam	Kinh	P 05			P 02
11	121311	ĐÀM THỊ HỒNG	HẠNH	12A13	17/09/2008	Nữ	Nùng	P 05			P 02
12	121312	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	12A13	10/11/2008	Nữ	Kinh	P 06			P 02
13	121313	NGUYỄN NGỌC	HỒNG	12A13	20/02/2008	Nữ	Kinh	P 07			P 03
14	121314	NGUYỄN VĂN	KẾT	12A13	01/09/2008	Nam	Tày	P 07			P 03
15	121315	CAO HÀ CHÍ	KHANG	12A13	14/10/2008	Nam	Thái	P 08			P 03
16	121316	PHAN QUỐC	KHÁNH	12A13	02/09/2008	Nam	Kinh	P 08			P 03
17	121317	HOÀNG ĐỖ GIA	KIỆT	12A13	06/09/2008	Nam	Tày	P 08			P 03
18	121318	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	12A13	06/03/2008	Nữ	Kinh	P 09			P 04
19	121319	NÔNG THỊ	MIỀN	12A13	12/10/2008	Nữ	Tày	P 10			P 04
20	121320	LÊ	MINH	12A13	09/02/2008	Nam	Kinh	P 11			P 04
21	121321	VÕ THỊ THU	NGÂN	12A13	12/07/2008	Nữ	Kinh	P 12			P 04
22	121322	TRẦN THỊ BÍCH	NGỌC	12A13	14/07/2008	Nữ	Kinh	P 12			P 05
23	121323	NGUYỄN ĐOÀN NHƯ	QUỲNH	12A13	16/07/2008	Nữ	Kinh	P 15			P 06
24	121324	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	12A13	02/10/2008	Nữ	Kinh	P 15			P 06
25	121325	NGUYỄN XUÂN	THỦY	12A13	24/02/2008	Nam	Kinh	P 18			P 07
26	121326	NGUYỄN THỊ DA	TUỆ	12A13	20/11/2008	Nữ	Kinh	P 20			P 08
27	121327	LƯƠNG THỊ THANH	TUYỀN	12A13	04/03/2008	Nữ	Kinh	P 20			P 08
28	121328	BÙI THỊ TƯỜNG	VI	12A13	14/04/2007	Nữ	Mường	P 21			P 08
29	121329	DƯƠNG VĂN	VŨ	12A13	18/06/2008	Nam	Kinh	P 21			P 08